



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Sơn La

Số 17

Ngày 15 tháng 07 năm 2021

MỤC LỤC

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

UBND TỈNH

08/06/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 12/2021/QĐ-UBND bãi bỏ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/03/2014 của UBND tỉnh quy định xử lý cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang uống rượu, bia trước và trong giờ làm việc	3
05/07/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 15/2021/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.	5

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

HĐND TỈNH

25/06/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 03/NQ-HĐND thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026	33
25/06/2021	Nghị quyết của HĐND tỉnh số 10/NQ-HĐND về số lượng ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021-2026	34

UBND TỈNH

28/05/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 18/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La	36
28/05/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 19/CT-UBND về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.	43
28/05/2021	Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh số 20/CT-UBND về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022-2024.	47
30/05/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1047/QĐ-UBND ban hành quy định về huy động lực lượng, phương tiện tham gia các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các cấp, các ngành trong trường hợp xảy ra cháy, nổ lớn và tai nạn, sự cố phức tạp trên địa bàn tỉnh	61
04/06/2021	Chỉ thị của UBND tỉnh số 21/CT-UBND về việc tăng cường công tác quản lý, duy trì và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La	77
08/06/2021	Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh số 1185/QĐ-UBND về việc bãi bỏ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 16/7/2007; Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 31/3/2010; Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”	81

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 12/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21/3/2014
của UBND tỉnh quy định xử lý cán bộ, công chức, viên chức,
người làm việc theo chế độ hợp đồng và cán bộ, chiến sĩ các
lực lượng vũ trang uống rượu, bia trước và trong giờ làm việc**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày
14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 509/TTr-SNV ngày 02
tháng 6 năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 04/2014/QĐ-UBND ngày 21 tháng 3 năm 2014 của UBND tỉnh Sơn La quy định xử lý cán bộ, công chức, viên chức, người làm việc theo chế độ hợp đồng và cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang uống rượu, bia trước và trong giờ làm việc.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(30b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH****(Đã ký)****Hoàng Quốc Khánh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2021/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 05 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về cưỡng chế thi hành Quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 420/TTr-STNMT ngày 18 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các đơn vị, tổ chức và các hộ gia đình, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Như Điều 3;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT - Hiệu 25 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH
Về việc cưỡng chế thi hành quyết định
giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND
ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người bị cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
2. Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm tổ chức cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc cưỡng chế thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 3. Nguyên tắc, điều kiện thực hiện cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

Nguyên tắc cưỡng chế, điều kiện thực hiện cưỡng chế thực hiện theo quy định tại Khoản 59, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Điều 4. Thời gian thực hiện quyết định cưỡng chế

Thời gian cưỡng chế theo quy định tại Khoản 40, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

Chương II
TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ

Điều 5. Xác minh điều kiện để ban hành quyết định cưỡng chế

1. Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu thi hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai của một trong các bên tranh chấp đất đai. Chủ tịch UBND cấp huyện có văn bản giao Trưởng phòng Tài nguyên và Môi

trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp tiến hành xác minh điều kiện nêu tại Điều 3 của Quy định này.

2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày được giao nhiệm vụ xác minh, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường tổ chức việc xác minh và báo cáo bằng văn bản kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế. Nếu đủ điều kiện cưỡng chế thì tham mưu cho Chủ tịch UBND cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế và Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Báo cáo kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế thực hiện theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 6. Ban hành Quyết định cưỡng chế và thành lập Ban thực hiện cưỡng chế

Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của Phòng Tài nguyên và Môi trường và hồ sơ kèm theo gồm: Báo cáo kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế; quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật; dự thảo Quyết định cưỡng chế và Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế, Chủ tịch UBND cấp huyện xem xét, ban hành Quyết định cưỡng chế và Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quy định này.

Quyết định cưỡng chế thực hiện theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Quy định này.

Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện theo Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quy định này. Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế theo quy định tại khoản 59, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai, tùy từng trường hợp cụ thể có thể có thành viên khác như: Đại diện Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh cấp xã.

Điều 7. Gửi, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

1. Ngay sau khi ban hành Quyết định cưỡng chế, Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế phải gửi cho Ban thực hiện cưỡng chế, cơ quan tham mưu thực hiện cưỡng chế, cơ quan, tổ chức có liên quan; UBND cấp xã nơi có đất tranh chấp để phối hợp thực hiện. Biên bản giao nhận Quyết định cưỡng chế thực hiện theo Mẫu số 05 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Trong thời hạn 02 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định cưỡng chế, UBND cấp xã nơi tổ chức cưỡng chế giao Quyết định cưỡng chế cho người bị cưỡng chế.

Trường hợp người bị cưỡng chế từ chối nhận Quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt (*tại nơi cư trú hoặc không đến làm việc theo giấy mời*) thì phải lập biên

bản về việc từ chối nhận quyết định (*Biên bản từ chối nhận Quyết định cưỡng chế hoặc vắng mặt thực hiện theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Quy định này*).

3. Niêm yết công khai quyết định cưỡng chế

Quyết định cưỡng chế sau khi được ban hành phải được Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất tranh chấp niêm yết công khai theo quy định tại Khoản 59, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ tối thiểu 05 ngày trước khi thực hiện cưỡng chế (*việc niêm yết được lập thành biên bản theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Quy định này*).

Điều 8. Xây dựng kế hoạch tiến hành cưỡng chế

1. Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định thành lập, Ban thực hiện cưỡng chế có trách nhiệm thu thập thông tin, khảo sát hiện trạng nơi tiến hành cưỡng chế, chủ trì xây dựng kế hoạch tiến hành cưỡng chế và dự toán kinh phí trình người ra quyết định cưỡng chế phê duyệt.

2. Kế hoạch tiến hành cưỡng chế thực hiện theo Mẫu số 08 ban hành kèm theo Quy định này.

3. Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với cơ quan công an cấp huyện để đảm bảo trật tự, an toàn trong quá trình thi hành Quyết định cưỡng chế; phối hợp với các cơ quan thông tấn báo chí để kịp thời thông tin, tuyên truyền đến người dân.

Điều 9. Vận động, thuyết phục, đối thoại với người bị cưỡng chế

Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày kế hoạch cưỡng chế được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với chính quyền địa phương, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế.

1. Trường hợp người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thì Ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện chấp hành và các nội dung trong quyết định giải quyết tranh chấp đất đai phải được thực hiện ngay sau khi lập biên bản dưới sự giám sát của Ban thực hiện cưỡng chế (*Biên bản ghi nhận sự tự nguyện chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Quy định này*).

2. Trường hợp người bị cưỡng chế không chấp hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai sau khi đã được vận động, thuyết phục thì Ban thực hiện cưỡng chế tổ chức thực hiện cưỡng chế và buộc người bị cưỡng chế thực hiện các nội dung của quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Điều 10. Tiến hành cưỡng chế

1. Trên cơ sở quyết định cưỡng chế, kế hoạch tiến hành cưỡng chế đã được phê duyệt, Ban thực hiện cưỡng chế phối hợp với các cơ quan có liên quan tiến hành cưỡng chế ngoài thực địa:

a) Trường hợp người bị cưỡng chế, người có nghĩa vụ liên quan có tình vắng mặt thì vẫn tiến hành cưỡng chế.

b) Trước khi cưỡng chế, nếu người bị cưỡng chế tự nguyện chấp hành thì Ban thực hiện cưỡng chế lập thủ tục theo Khoản 1, Điều 9 Quy định này.

c) Việc cưỡng chế phải được lập thành biên bản và giao cho người bị cưỡng chế một bản; biên bản phải được các thành phần tham dự cưỡng chế ký tên, hoặc điểm chỉ; trường hợp vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

Biên bản cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Quy định này.

2. Ban thực hiện cưỡng chế buộc người bị cưỡng chế, người có liên quan phải tháo dỡ, di dời tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế. Nếu người bị cưỡng chế, người có liên quan không tự nguyện thực hiện, Ban thực hiện cưỡng chế yêu cầu lực lượng cưỡng chế đưa người bị cưỡng chế, người có liên quan cùng tài sản ra khỏi nơi cưỡng chế.

3. Ngay sau khi thực hiện xong cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền đo đạc và lập biên bản bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp, biên bản bàn giao đất phải có chữ ký của đại diện Ban thực hiện cưỡng chế, đối tượng nhận bàn giao đất và xác nhận của chính quyền địa phương.

Biên bản bàn giao đất cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo Mẫu số 11 ban hành kèm theo Quy định này.

4. Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày kết thúc cưỡng chế ngoài thực địa, Ban thực hiện cưỡng chế hợp đánh giá kết quả thực hiện cưỡng chế và báo cáo kết quả cưỡng chế đến người ra quyết định cưỡng chế.

Báo cáo kết quả cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo Mẫu số 12 ban hành kèm theo Quy định này.

Điều 11. Lưu trữ hồ sơ cưỡng chế

1. Hồ sơ cưỡng chế lưu trữ gồm có:

- a) Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai;
- b) Báo cáo kết quả vận động thuyết phục;
- c) Quyết định cưỡng chế;
- d) Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế;
- đ) Kế hoạch cưỡng chế;
- e) Thông báo cưỡng chế;

f) Biên bản vận động, thuyết phục; biên bản cưỡng chế; biên bản tạm quản lý tài sản cưỡng chế; biên bản bàn giao bảo quản tài sản tạm quản lý và các biên bản khác;

- g) Thông báo nhận tài sản (nếu có);
- h) Hình ảnh, thiết bị lưu trữ ghi hình, ghi âm (nếu có) và các văn bản khác;
- i) Báo cáo kết quả cưỡng chế.

2. Tài liệu trong hồ sơ phải đánh số thứ tự, lập bảng kê tài liệu và được lưu tại cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế theo quy định công tác văn thư, lưu trữ trên địa bàn tỉnh Sơn La. Trưởng ban thực hiện cưỡng chế lập biên bản bàn giao tài liệu cho cơ quan được giao chủ trì cưỡng chế.

Biên bản bàn giao tài liệu cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện theo Mẫu số 13 ban hành kèm theo Quy định này.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Chi phí cưỡng chế

1. Kinh phí thực hiện việc cưỡng chế theo quy định tại Khoản 59, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

2. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán chi thường xuyên hàng năm của UBND cấp huyện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Kinh phí cưỡng chế được giao nằm ngoài dự toán hàng năm của UBND cấp huyện.

Điều 13. Trách nhiệm thi hành cưỡng chế

1. Chủ tịch UBND cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo việc tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế của mình; tiếp nhận, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại liên quan đến cưỡng chế theo quy định của pháp luật.

2. Cơ quan chuyên môn cấp huyện có trách nhiệm tham mưu cho Chủ tịch UBND cùng cấp và tổ chức thực hiện cưỡng chế theo phân công của người có thẩm quyền.

3. Cơ quan công an có trách nhiệm bảo đảm trật tự, an toàn trong quá trình thi hành Quyết định cưỡng chế.

Ban thực hiện cưỡng chế gửi văn bản yêu cầu đến cơ quan công an cùng cấp trước khi thực hiện cưỡng chế 05 ngày để bố trí lực lượng.

4. UBND cấp xã nơi thi hành Quyết định cưỡng chế có trách nhiệm phối hợp với Ban thực hiện cưỡng chế vận động, thuyết phục, giải thích đối tượng cưỡng chế; tổ chức thực hiện việc giao, niêm yết công khai quyết định cưỡng chế; tham gia thực hiện cưỡng chế; di chuyển, bảo quản tài sản của người bị cưỡng chế đối với trường hợp không nhận tài sản do Ban thực hiện cưỡng chế bàn giao.

5. Tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chủ trì thực hiện cưỡng chế và Ban thực hiện cưỡng chế khi có yêu cầu; tạo điều kiện để cơ quan thực hiện cưỡng chế hoàn thành nhiệm vụ được phân công.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

Các Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai có hiệu lực pháp luật được ban hành trước thời điểm Quy định này có hiệu lực chưa được chấp hành và chưa thực hiện việc cưỡng chế thì thực hiện theo Quy định này.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan, Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Chánh Thanh tra tỉnh theo dõi, kiểm tra việc tổ chức thực hiện Quy định này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

Phụ lục
MỘT SỐ BIỂU MẪU TRONG THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI CÓ HIỆU LỰC PHÁP LUẬT
(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND
ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

Mã số	Mẫu biểu
Mẫu số 01	Báo cáo kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế
Mẫu số 02	Tờ trình đề nghị ban hành Quyết định cưỡng chế, quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế
Mẫu số 03	Quyết định cưỡng chế
Mẫu số 04	Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế
Mẫu số 05	Biên bản giao nhận Quyết định cưỡng chế
Mẫu số 06	Biên bản từ chối nhận Quyết định cưỡng chế (hoặc vắng mặt)
Mẫu số 07	Biên bản niêm yết Quyết định cưỡng chế
Mẫu số 08	Kế hoạch tiến hành cưỡng chế
Mẫu số 09	Biên bản ghi nhận sự tự nguyện chấp hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
Mẫu số 10	Biên bản cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
Mẫu số 11	Biên bản bàn giao đất cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
Mẫu số 12	Báo cáo kết quả cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai
Mẫu số 13	Biên bản bàn giao hồ sơ cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

Mẫu số 01*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)***ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/BC-UBND

(2), ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế**

Căn cứ Quyết định số ... /2021/QĐ-UBND ngày .../.../2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày ... /... /... của (3) ... về việc giải quyết tranh chấp đất đai;

Phòng Tài nguyên và Môi trường (1) ... báo cáo kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế như sau:

1. Việc triển khai thực hiện;
2. Kết quả xác minh
3. Nhận xét và kiến nghị (4)

Hồ sơ kèm: Các văn bản tài liệu chứng minh đủ điều kiện cưỡng chế (bản Photo).

Trên đây là Báo cáo của (1).... về kết quả xác minh điều kiện cưỡng chế đối với Quyết định số...ngày tháng năm về...../.

Nơi nhận:

- UBND cấp huyện nơi có đất tranh chấp
- (4);
- Lưu:...

.....

(Ký, ghi rõ chức vụ họ tên)

-
1. Tên cơ quan ban hành
 2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
 3. Chức danh, cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
 4. Nhận xét và kiến nghị ban hành Quyết định cưỡng chế.

Mẫu số 02

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)
UBND....(1)

**PHÒNG TÀI NGUYÊN
VÀ MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(3)...., ngày... tháng.. năm...

Số:/TTr-(2).....

TỜ TRÌNH

**Về việc ban hành Quyết định cưỡng chế
và Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế**

Ngày .../.../... Phòng Tài nguyên và Môi trường nhận được Báo cáo kết quả vận động thuyết phục chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai,

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày .../.../ của UBND tỉnh ban hành Quy định việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Để thực hiện quyết định có hiệu lực pháp luật (Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../ của (4) ... về việc giải quyết tranh chấp đất đai), Phòng Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị Chủ tịch UBND(1) ban hành Quyết định cưỡng chế và Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế.

(Có dự thảo Quyết định cưỡng chế và Quyết định thành lập Ban thực hiện cưỡng chế của Chủ tịch UBND... (1) kèm theo).

Hồ sơ gửi kèm bao gồm:

1. Báo cáo kết quả vận động thuyết phục chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai;

2. Biên bản vận động, thuyết phục chấp hành quyết định giải quyết tranh chấp đất đai;

3. Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Phòng Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị Chủ tịch UBND ... (1) xem xét quyết định./.

Nơi nhận:

- (1);
-
- Lưu:

TRƯỞNG PHÒNG

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

1. Tên cơ quan cấp huyện.
2. Tên viết tắt của đơn vị trình văn bản.
3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
4. Chức danh, cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai

Mẫu số 03

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-CC.....

(2)....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai****CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ... (1)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../2017/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2017 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Để bảo đảm thi hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số ... /QĐ- ngày ... tháng ... năm ... do (3)... ký;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số ... /TTR-..... ngày ... tháng ... năm ...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số .../QĐ-.... ngày ... tháng ... năm của (3) đối với:

Ông (Bà)/Tổ chức:

Ngày ... tháng ... năm sinhQuốc tịch:

Địa chỉ:

Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: ...

Cấp ngày: Nơi cấp:

- Nội dung cưỡng chế:
- Lý do cưỡng chế:
- Biện pháp cưỡng chế gồm:(4).
- Thời gian thực hiện:... (5), kể từ ngày nhận được Quyết định này.
- Địa điểm thực hiện:... (6).
- Cơ quan chủ trì cưỡng chế:
- Cơ quan phối hợp:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày .. tháng ... năm

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao/Gửi cho ông (bà)/tổ chức ...(7) để chấp hành.

Ông (Bà)/Tổ chức bị cưỡng chế có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao...(8) để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- (3)
- Lưu: VT.

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu)
(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

Ghi chú:

1. Tên cấp huyện.
2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
3. Chức danh, cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
4. Ghi rõ biện pháp cưỡng chế được áp dụng.
5. Ghi rõ thời gian tổ chức cưỡng chế theo Điều 4 của Quy định.
6. Ghi rõ địa điểm tổ chức cưỡng chế.
7. Ghi họ tên, chức vụ, đơn vị người thi hành Quyết định (người bị cưỡng chế).
8. Ghi rõ tên cơ quan chủ trì cưỡng chế; cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp thực hiện.

Mẫu số 04

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

(2)...., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế
thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ... (1)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 23 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số .../2021/QĐ-UBND ngày ... tháng ... năm 2021 của UBND tỉnh ban hành Quy định việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai trên địa bàn tỉnh Sơn La;

Căn cứ Quyết định số ... /QĐ-CC ngày ... tháng ... năm ... của Chủ tịch UBND (1) ... về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số/TTr-... ngày ... tháng ... năm ...,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số... /QĐ-UBND ngày... tháng... năm ... của Chủ tịch.... (3) gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. -Trưởng ban;
2. -Phó Trưởng ban (nếu có);
3. - Thành viên;

Điều 2.

1. Ban thực hiện cưỡng chế có nhiệm vụ.....(4)

2. Ban thực hiện cưỡng chế tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Các ông (bà) có tên tại Điều 1, Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường, (5), (6) và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- (3)
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH UBND (1)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

1. Tên cấp huyện.
2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
3. Ghi tên cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.
4. Nhiệm vụ của Ban thực hiện cưỡng chế.
5. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện cưỡng chế.
6. Thủ trưởng cơ quan, tổ chức hoặc cá nhân là người bị cưỡng chế.

Mẫu số 05

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

ỦY BAN NHÂN DÂN

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(2)...., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Giao nhận quyết định cưỡng chế**

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... /.../ .., tại (3)....., chúng tôi gồm:

1. Đại diện UBND (1).....

- Ông (bà).....chức vụ

2. Đại diện người bị cưỡng chế

- Ông (bà) (chức vụ, đơn vị công tác nếu là tổ chức) địa chỉ(4)

Đã giao Quyết định số ... /QĐ-CC ngày .../.../.... của Chủ tịch UBND ... (5) về việc cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

Việc giao nhận Quyết định hoàn thành hồi ... giờ ... ngày .../ .../ ...,

Biên bản giao nhận Quyết định cưỡng chế đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe, ký xác nhận; biên bản được lập thành 03 bản, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản gửi cho Ban thực hiện cưỡng chế./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

-
1. Tên cấp xã.
 2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
 3. Ghi địa chỉ nơi gửi Quyết định cưỡng chế.
 4. Trường hợp gửi quyết định theo Điểm a, Khoản 2, Điều 7 Quy định này thì ghi rõ mối quan hệ với người bị cưỡng chế.
 5. Ghi tên cấp huyện ban hành quyết định cưỡng chế.

Mẫu số 06*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)***ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(2), ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Về việc người bị cưỡng chế không nhận
quyết định cưỡng chế (hoặc cố tình vắng mặt)**

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày .../.../....., tại (3), chúng tôi gồm:

Ông (bà) chức vụ, đơn vị công tác đã đến giao Quyết định cưỡng chế thực hiện quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số/QĐ-CC, ngày .../.../..... do ông/bà, chức vụ ký cho ông (bà)/tổ chức bị cưỡng chế có tên trong Quyết định cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai số/QĐ-CC, ngày .../.../..... để thi hành nhưng ông (bà)/tổ chức này cố tình không nhận Quyết định (hoặc cố tình vắng mặt).

Vì vậy, tiến hành lập biên bản này với sự chứng kiến của (Họ tên, địa chỉ, chức vụ, số CMND nếu có)

Biên bản gồm trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau; được công nhận là đúng và giao cho người làm chứng, Ban thực hiện cưỡng chế 01 bản./.

NGƯỜI CHỨNG KIẾN

(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN

(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

-
1. Tên cấp xã.
 2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
 3. Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.

Mẫu số 07*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)***ỦY BAN NHÂN DÂN**

.....(1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(2)....., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Về việc niêm yết công khai Quyết định cưỡng chế**

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... / ... /, tại (3)....., chúng tôi gồm:

1. Đại diện UBND xã (1)

Ông (bà)chức vụ

2. Đại diện UBMT Tổ quốc Việt Nam (1)

Ông (bà)chức vụ

3. Đại diện bản (thôn, tổ dân phố ...) (4)

Ông (bà)chức vụ

Lập biên bản về việc niêm yết công khai Quyết định số ... /QĐ-CC ngày ... / ... / ... của Chủ tịch UBND ... (5) về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai .

Thời gian niêm yết: Từ nay đến hết ngày...tháng...năm

Biên bản gồm ... trang, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; được công nhận là đúng và giao cho các bên có tên trên, Ban thực hiện cưỡng chế 01 bản./.

ĐẠI DIỆN UBND (1)*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN***(Ký, ghi rõ họ tên)***ĐẠI DIỆN UBMT
TỔ QUỐC VIỆT NAM....(1)***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***TRƯỞNG BAN (THÔN/TỔ DÂN PHỐ)***(Ký, ghi rõ họ tên)*

1. Tên cấp xã.
2. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.
3. Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.
4. Ghi ban (hoặc thôn hoặc bản hoặc tổ dân phố ...)
5. Tên cấp huyện.

Mẫu số 08*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)*

UBND (1)

.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/KH-CC

(3)...., ngày ... tháng ... năm ...

KẾ HOẠCH TIẾN HÀNH CƯỖNG CHẾ

Thực hiện Quyết định số ... /QĐ-CC ngày ... /.../ của Chủ tịch UBND ... (1) về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... /.../ của Chủ tịch UBND ... (1) về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, Ban thực hiện cưỡng chế lập kế hoạch tiến hành cưỡng chế như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích
2. Yêu cầu

II. NỘI DUNG CƯỖNG CHẾ (4)**III. PHƯƠNG PHÁP TIẾN HÀNH CƯỖNG CHẾ (5)****IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Tiến độ thực hiện
2. Chế độ thông tin, báo cáo
3. Thành viên tiến hành cưỡng chế; lực lượng tham gia hỗ trợ.
4. Điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện cưỡng chế
5. Những vấn đề khác (nếu có)

PHÊ DUYỆT CỦA NGƯỜI RA**QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG CHẾ***(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)***TRƯỞNG BAN THỰC HIỆN****CƯỖNG CHẾ***(Ký, ghi rõ họ và tên)***Ghi chú**

1. Tên cấp huyện ban hành Quyết định cưỡng chế.
2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế.
3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
4. Đối tượng, nội dung, thời gian, địa điểm cưỡng chế; dự kiến các tình huống phát sinh và phương án ứng phó;
5. Phương pháp, cách thức tiến hành cưỡng chế.

Mẫu số 09

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

..... (1)

..... (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

(3)...., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Ghi nhận sự tự nguyện chấp hành
quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

Hôm nay, ngày .../.../... tại (4)....., chúng tôi gồm:

1. Đại diện Ban thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số/QĐ-UBND
ngày .../.../... của Chủ tịch UBND ... (1)

Ông (bà) chức vụ

Ông (bà) chức vụ

2. Đại diện UBND (6)

Ông (bà) chức vụ

3. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (6)

Ông (bà) chức vụ

4. Người bị cưỡng chế

Ông (bà) (chức vụ, đơn vị công tác nếu là tổ chức) ... địa chỉ

5. Cơ quan, tổ chức phối hợp (nếu có):

Ông (bà) chức vụ

Sau khi vận động, thuyết phục người bị cưỡng chế, ông (bà)/tổ chức có tên
trong Quyết định số ... /QĐ-CC ngày .../.../... của ... (4) đã tự nguyện thực hiện
Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai.

- Nội dung sự tự nguyện thi hành gồm:

(7) - Thời gian thực hiện: (8), kể từ ngày lập biên bản.

Biên bản gồm..... trang, được lập thành bản có nội dung, giá trị như nhau;
đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký
tên dưới đây; đã giao cho người bị cưỡng chế và các cơ quan có tên trên 01 bản./.

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN
UBMT TỔ QUỐC VIỆT NAM (6).....**
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN
UBND (6).....**
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN PHỐI HỢP
(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ nếu có)

**ĐẠI DIỆN
BAN THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

-
1. Tên cơ quan ban hành Quyết định cưỡng chế
 2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế
 3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
 4. Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.
 5. Chức danh, cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế;
 6. Ghi tên xã, phường, thị trấn
 7. Ghi đầy đủ cụ thể từng vấn đề, nội dung phải thực hiện.
 8. Ghi số ngày thực hiện, nhưng không quá 03 ngày.

Mẫu số 10

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

Thi hành Quyết định số ... /QĐ-CC ngày ... /... /.... của ... (4) về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ... /... /.... của ... (4) về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai,

Hôm nay, ngày ... /... /..., tại (5)....., chúng tôi gồm:

1. Thành phần Ban thực hiện cưỡng chế

- Ông (bà) chức vụ

2. Cơ quan phối hợp: (Họ tên, chức vụ, đơn vị) (6)

Với sự chứng kiến của: (Họ tên, địa chỉ, chức vụ, CMND số nếu có)

Tiến hành cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai đối với (7)

Ông (Bà)/Tổ chức:

Ngày ... tháng ... năm sinh Quốc tịch:

Địa chỉ:

Giấy CMND/CCCD hoặc hộ chiếu/Quyết định thành lập hoặc ĐKKD số: ...

Cấp ngày: Nơi cấp:

Biện pháp cưỡng chế gồm: (8)

Diễn biến quá trình cưỡng chế:

Kết quả cưỡng chế:

Thái độ chấp hành của người/đại diện tổ chức bị cưỡng chế:

Việc cưỡng chế kết thúc hồi.... giờ ngày ... tháng ... năm

Biên bản gồm ... trang, được lập thành ... bản có nội dung, giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người tham gia nghe, xem lại, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; đã giao cho người/đại diện tổ chức bị cưỡng chế 01 bản./.

**NGƯỜI HOẶC ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC BỊ CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN
PHỐI HỢP CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên và chức vụ nếu có)

**TRƯỞNG BAN
THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị)

NGƯỜI CHỨNG KIẾN
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH CƯỖNG
CHẾ HOẶC CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO
CHỦ TRÌ CƯỖNG CHẾ (NẾU CÓ)**
(Ký, ghi rõ)
(Ghi rõ chức vụ, họ tên)

-
1. Tên cơ quan ban hành Quyết định cưỡng chế
 2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế
 3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
 4. Chức danh, cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế;
 5. Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.
 6. Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, cơ quan của người tham gia cưỡng chế.
 7. Ghi họ tên, ngày tháng năm sinh, quốc tịch, địa chỉ, số giấy CMND hoặc hộ chiếu đối với cá nhân/tên, địa chỉ, số Quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh đối với tổ chức bị cưỡng chế.
 8. Ghi rõ biện pháp cưỡng chế đã áp dụng.

Mẫu số 11

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Bàn giao đất cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... /.../.... tại (4), chúng tôi gồm:

1. Đại diện Ban thực hiện cưỡng chế theo Quyết định số ... /QĐ-UBND ngày .../.../20...

- Ông (bà) chức vụ

2. Đại diện đối tượng nhận bàn giao đất

- Ông (bà) chức vụ (nếu có).....

3. Đại diện UBND (5)

- Ông (bà) chức vụ

Tiến hành bàn giao đất cho người sử dụng hợp pháp thể như sau:(6)

Biên bản lập xong hồi... giờ... ngày... /... /..., gồm... trang, được lập thành... bản có nội dung, giá trị như nhau; được công nhận là đúng và giao cho các bên có tên trên, Ban thực hiện cưỡng chế 01 bản./.

**ĐẠI DIỆN ĐỐI TƯỢNG
NHẬN BÀN GIAO ĐẤT**
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN UBND (5)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN
BAN THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ**
(Ký, ghi rõ họ tên)

-
1. Tên cơ quan ban hành Quyết định cưỡng chế
 2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế
 3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
 4. Ghi địa chỉ nơi lập biên bản.
 5. Ghi tên cấp xã nơi thực hiện cưỡng chế.
 6. Ghi cụ thể nội dung bàn giao đất (đối tượng (tổ chức, cá nhân) được nhận đất, diện tích đất, sơ đồ thửa đất kèm theo...).

Mẫu số 12*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)*

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BC-ĐCC

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

BÁO CÁO**Kết quả cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

Thực hiện Quyết định số... /QĐ-CC ngày... tháng... năm.....của.....(4)..... về việc cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và Quyết định số .../QĐ-UBND ngày ...tháng ...năm ...của ...(4) về việc thành lập Ban thực hiện cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai, từ ngày ./.../...đến ngày./.../... Ban thực hiện cưỡng chế đã tiến hành cưỡng chế tại(5)

Quá trình cưỡng chế, Ban thực hiện cưỡng chế đã làm việc với..... (6) và tiến hành cưỡng chế.

Sau đây là kết quả cưỡng chế:

1 (7)

2. Kết quả cưỡng chế (8)

3. Thuận lợi, khó khăn trong thực hiện cưỡng chế

4. Bài học kinh nghiệm

4. Kiến nghị (nếu có)

Trên đây là Báo cáo kết quả cưỡng chế theo Quyết định số ... /QĐ-CC ngày.../.../.... của Chủ tịch UBND

Nơi nhận:

- (4);

- (9);

- Lưu:...

TRƯỞNG BAN
THỰC HIỆN CƯỖNG CHẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

1. Tên Cơ quan ban hành Quyết định cưỡng chế
2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế
3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
4. Chức danh, cơ quan của người ra quyết định cưỡng chế;
5. Tổ chức, cá nhân bị cưỡng chế.
6. Tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có).
7. Khái quát đặc điểm tình hình, quá trình thực hiện cưỡng chế.
8. Các nội dung đã tiến hành cưỡng chế: Mô tả kết quả cưỡng chế.
9. Cơ quan giao chủ trì cưỡng chế; Sở Tài nguyên và Môi trường; cơ quan; cơ quan ban hành Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai và cơ quan có liên quan;

Mẫu số 13

(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2021/QĐ-UBND ngày 05/7/2021 của UBND tỉnh)

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2)

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/BB-TGTS

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

BIÊN BẢN**Bàn giao hồ sơ cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai**

Vào hồi giờ....ngày .../.../....., tại(4), chúng tôi gồm:

1. Đại diện (2):

- Ông (bà) chức vụ

2. Đại diện(5):

- Ông (bà) chức vụ

Đã bàn giao hồ sơ cưỡng chế thực hiện Quyết định giải quyết tranh chấp đất đai cho(5) để lưu trữ theo quy định của pháp luật.

Hồ sơ có trang (có mục lục hồ sơ kèm theo).

Việc giao nhận hồ sơ hoàn thành hồi giờ ngày .../.../.....

Biên bản bàn giao hồ sơ, tài liệu đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe và ký xác nhận; biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO

(Ký, ghi rõ họ tên)

-
1. Tên cơ quan ban hành Quyết định cưỡng chế
 2. Tên Ban thực hiện cưỡng chế
 3. Ghi địa danh theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính;
 4. Địa điểm bàn giao hồ sơ.
 5. Tên đơn vị có nhiệm vụ lưu trữ hồ sơ.

DANH MỤC HỒ SƠ
(Kèm theo biên bản bàn giao hồ sơ ngày....../....../....)

STT	Thời gian ban hành	Tên tài liệu	Hình thức văn bản	Số trang	Ghi chú

ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO
(Ký, ghi rõ họ tên)

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2021

NGHỊ QUYẾT**Thành lập Ban Dân tộc của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026****HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ NHẤT**

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị quyết số 1130/NQ-UBTVQH13 ngày 14 tháng 01 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn, điều kiện thành lập Ban Dân tộc của HĐND tỉnh, huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh;

Xét đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh khóa XIV, nhiệm kỳ 2016 - 2021 tại Tờ trình số 157/TTr-TTHĐND ngày 24 tháng 6 năm 2021 và kết quả biểu quyết tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thành lập Ban Dân tộc của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh; các cơ quan, tổ chức có liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh, khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, TP;
- Các Trung tâm: Thông tin; Lưu trữ LS tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND, Công.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/NQ-HĐND

Sơn La, ngày 25 tháng 6 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về số lượng uỷ viên các Ban của HĐND tỉnh
khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ NHẤT

Căn cứ Khoản 8 Điều 2 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Xét đề nghị của Thường trực HĐND tỉnh khóa XV tại Tờ trình số 07/TTr-TTHĐND ngày 25 tháng 6 năm 2021 và kết quả biểu quyết tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Số lượng uỷ viên mỗi Ban của HĐND tỉnh khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026 là 05 uỷ viên, cụ thể như sau:

1. Ban Pháp chế: 05 uỷ viên hoạt động kiêm nhiệm.
2. Ban Kinh tế - Ngân sách: 05 uỷ viên hoạt động kiêm nhiệm.
3. Ban Văn hóa - Xã hội: 05 uỷ viên hoạt động kiêm nhiệm.
4. Ban Dân tộc: 05 uỷ viên hoạt động kiêm nhiệm.

Điều 2. Thường trực HĐND, các Ban HĐND, các Tổ đại biểu HĐND và các vị đại biểu HĐND tỉnh; các cơ quan, tổ chức có liên quan theo trách nhiệm thi hành Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh khoá XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ nhất thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày được thông qua./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu của UBTVQH;
- Bộ Nội vụ;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UB MTTQVN các huyện, TP;
- Các Trung tâm: Thông tin; Lưu trữ LS tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng CT HĐND, Công.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Nguyễn Thái Hưng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 18/CT-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 5 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường công tác quản lý, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh Sơn La

Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và UBND tỉnh đã ban hành các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật; UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn triển khai thực hiện đến các cơ quan, tổ chức, đơn vị, do đó công tác quản lý, sử dụng tài sản công đã dần đi vào nề nếp, ý thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, đơn vị từng bước được nâng lên; hiệu quả trong sử dụng, khai thác tài sản được chú trọng, góp phần quan trọng phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Tuy nhiên, việc chấp hành các quy định về tiêu chuẩn, định mức, chế độ sử dụng trụ sở làm việc, xe ô tô công có lúc, có nơi chưa nghiêm; công tác rà soát, sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất còn lúng túng, chậm triển khai, chất lượng phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công chưa chặt chẽ, tính khả thi không cao, còn tình trạng cho thuê, cho mượn..., chưa đúng quy định; hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản công ở một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế...

Để thực hiện, hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, khai thác có hiệu quả tài sản công, phòng, chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng. UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và đề nghị HĐND các cấp, các tổ chức Đoàn thể tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ sau:

1. Về phổ biến, tuyên truyền Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

- Tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền quán triệt có hiệu quả Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017, các văn bản quy định chi tiết của trung ương và UBND tỉnh đến các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Chủ động phối hợp với Sở Tài chính rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công do UBND tỉnh ban hành để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc ban hành mới đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật.

- Thực hiện nghiêm quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quyết định, tiêu chuẩn, định mức khi giao, đầu tư, mua sắm, thuê, khoán kinh phí sử dụng tài sản

công, xử lý tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị; sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết; sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư; phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý các loại tài sản công; xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo đúng các quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành của trung ương và của tỉnh.

2. Về ban hành phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng; mua sắm tập trung

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan, UBND các huyện, thành phố rà soát, trình UBND tỉnh điều chỉnh quy định về phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công chuyên dùng (*diện tích công trình sự nghiệp thuộc cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô chuyên dùng, máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý*), theo hướng đẩy mạnh phân cấp thẩm quyền ban hành cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh, UBND các huyện, thành phố để tăng tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm đối với thực hiện công tác giám sát và hậu kiểm.

- Người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản công có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2019 đảm bảo dân chủ, công khai theo đúng nội dung và hình thức quy định tại Mục 2, Chương XIV, Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

- Về mua sắm tài sản công theo phương thức tập trung: Sở Tài chính chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị, UBND các huyện, thành phố rà soát, tổng hợp tham mưu, trình UBND tỉnh quyết định điều chỉnh những bất cập, những nội dung phát sinh (*nếu có*) về danh mục mua sắm tập trung của cấp tỉnh, nghiên cứu đề xuất phương án mua sắm tập trung cấp huyện, đảm bảo đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật và thực tế của địa phương; kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định của pháp luật trong việc mua sắm tập trung, kịp thời xử lý hoặc tham mưu, trình UBND tỉnh xử lý nghiêm các hành vi vi phạm theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

3. Việc quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng

Thực hiện việc giao, đầu tư, mua sắm, khoán kinh phí sử dụng thiết bị, quản lý, sử dụng, xử lý máy móc, thiết bị chuyên dùng (*trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo*) theo tiêu chuẩn, định mức do UBND tỉnh ban hành.

4. Về tăng cường quản lý, sử dụng xe ô tô

- Các cơ quan, đơn vị thực hiện quản lý, sử dụng xe ô tô theo đúng tiêu chuẩn, định mức, chế độ quy định đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, đúng mục đích, thực hiện nghiêm túc Công văn số 159/UBND-TH ngày 19 tháng 01 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh tăng cường công tác quản lý, sử dụng xe ô tô tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tài chính thực hiện rà soát, trình UBND tỉnh phương án sắp xếp lại số xe ô tô hiện có và xử lý xe ô tô dôi dư của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo đúng quy định tại Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ; nghiên cứu, tham mưu trình UBND tỉnh phương án khoán kinh phí sử dụng xe ô tô phục vụ công tác.

5. Về tăng cường quản lý nhà, đất, trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp; kiểm soát tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc theo quy định tại Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Lấy ý kiến tham gia của Sở Tài chính về tiêu chuẩn, định mức diện tích trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp trước khi cấp có thẩm quyền phê duyệt thiết kế đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo hoặc mua sắm trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp của các cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Điều 12, Nghị định số 152/2017/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

- Nghiêm cấm các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp vào mục đích cho thuê, cho mượn hoặc cho cá nhân, đơn vị khác, sử dụng sai mục đích... khi chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền.

6. Sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết

- Đơn vị sự nghiệp công lập có nhu cầu sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết có trách nhiệm rà soát, lập Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên doanh, liên kết theo Mẫu số 02/TSC-ĐA ban hành kèm theo Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ; Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2017 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 118/2019/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2019 của HĐND tỉnh Quy định về phân cấp quản lý tài sản công trên địa bàn tỉnh và hướng dẫn của Sở Tài chính; gửi lấy ý kiến của cơ quan cấp trên trực tiếp (nếu có), trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Các đơn vị chấm dứt ngay việc sử dụng tài sản công không đúng quy định (chưa có Đề án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sử dụng tài sản công không đúng Đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;...). Nộp toàn bộ số tiền thu được từ sử

dụng tài sản công không đúng quy định vào Ngân sách Nhà nước. Cơ quan cấp trên trực tiếp của đơn vị sự nghiệp công lập và Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh nếu để xảy ra tình trạng sử dụng tài sản công không đúng quy định thuộc phạm vi quản lý.

7. Về quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi

- Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa: Sở Giao thông vận tải; UBND các huyện, thành phố (*bao gồm cả UBND xã, phường, thị trấn*) chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan:

+ Khẩn trương hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản hiện có.

+ Tổng hợp, báo cáo tình hình quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa để thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông theo đúng quy định của Chính phủ (*Nghị định số 33/2019/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2019 về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 45/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2018 về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa*). Hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 năm 2021.

- Quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (*Chi cục Thủy lợi*) chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp liên quan khẩn trương hoàn thành việc rà soát, phân loại, xác định giá trị tài sản hiện có để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định số 129/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi. Hoàn thành trước ngày 30 tháng 11 năm 2021.

8. Về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn Nhà nước

- Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan khẩn trương rà soát các nhiệm vụ khoa học công nghệ đã kết thúc để thực hiện kiểm kê, lập phương án xử lý tài sản, tham mưu với UBND tỉnh theo đúng quy định của Chính phủ tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 về quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước. Hoàn thành trước ngày 30 tháng 6 năm 2021.

- Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, các cơ quan, đơn vị liên quan nghiên cứu, tham mưu với UBND tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản trang bị đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc địa phương quản lý theo quy định tại Khoản 2, Điều 9 Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ. Hoàn thành trước ngày 30 tháng 9 năm 2021.

- Định kỳ hàng năm (*trước ngày 15 tháng 12*), Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Tài chính*) kết quả việc chuyển giao không bồi hoàn phần tài sản thuộc về Nhà nước để công khai và báo cáo theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ.

9. Về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công

- Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm:

+ Tổ chức thực hiện nghiêm việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, nhất là tài sản công tại các cơ quan, đơn vị thực hiện kiện toàn, sắp xếp lại cơ cấu tổ chức, bộ máy theo Nghị quyết số 18, 19-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành trung ương Đảng, để quản lý, sử dụng đúng tiêu chuẩn, định mức và quy định của pháp luật; tổ chức kiểm tra, rà soát việc thực hiện phương án sắp xếp lại, xử lý tài sản công thuộc phạm vi quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Xử lý theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền theo phân cấp, xử lý dứt điểm tình trạng sử dụng tài sản công chưa đúng quy định (*cho thuê, cho mượn, liên doanh, liên kết, bố trí nhà, đất vào mục đích ở,...*), thu hồi toàn bộ số tiền thu được từ sử dụng tài sản công không đúng quy định vào ngân sách Nhà nước.

+ Trường hợp thực hiện sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất hoặc phương án sắp xếp lại, xử lý cơ sở nhà, đất được cấp có thẩm quyền phê duyệt có sự thay đổi: Khẩn trương rà soát toàn bộ các cơ sở nhà, đất được giao quản lý, sử dụng, đề xuất phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ và pháp luật liên quan, gửi Sở Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2021 để tổng hợp, trình UBND tỉnh xem xét trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

- Sở Tài chính chủ trì với các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, đôn đốc đẩy nhanh việc kê khai, lập phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đợt 2, năm 2021 theo quy định trước ngày 30 tháng 7 năm 2021.

- Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ tích cực phối hợp cơ quan quản lý cấp trên, UBND các huyện, thành phố tổ chức kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà đất, thẩm định, đảm bảo chất lượng, tiến độ và tuân thủ quy định của pháp luật.

- Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc, thực hiện việc đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các cơ quan, đơn vị sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý đối với từng cơ sở nhà, đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt.

- UBND các huyện, thành phố chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan đôn đốc, thực hiện việc đăng ký biến động đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với nhà văn hóa bản, tiểu khu, tổ dân phố sau khi cơ quan có thẩm quyền quyết định xử lý đối với từng cơ sở nhà, đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được phê duyệt.

10. Về hiện đại hóa công tác quản lý tài sản công

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về cập nhật, chỉnh lý thông tin về tài sản công trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, đảm bảo thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời hiện trạng, biến động về tài sản công thuộc phạm vi quản lý, từng bước sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công để thay thế thông tin dạng giấy.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị chưa hoàn thành việc xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ, khẩn trương hoàn thành xác định giá trị quyền sử dụng đất, xong trước ngày 30 tháng 9 năm 2021 và cập nhật, chỉnh lý thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

11. Kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công

Thanh tra tỉnh, Sở Tài chính theo chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị liên quan tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra đột xuất hoặc theo từng chuyên đề về việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc tỉnh; trên cơ sở kết quả thanh tra, tham mưu trình UBND tỉnh xử lý nghiêm các vi phạm theo quy định; kịp thời chấn chỉnh công tác quản lý, sử dụng tài sản công; xử lý các hành vi vi phạm được phát hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2019/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; dự trữ quốc gia; Kho bạc Nhà nước, Thông tư số 29/2020/TT-BTC ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công và quy định pháp luật khác có liên quan. Việc thanh tra, kiểm tra phải thực hiện từ khâu giao tài sản công, lập dự toán, đầu tư xây dựng, mua sắm, quản lý, sử dụng, xử lý tài sản để phòng ngừa sai phạm; tăng cường công tác giám sát của cộng đồng.

12. Tổ chức thực hiện

- Giao Sở Tài chính hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra và tổng hợp kết quả thực hiện Chỉ thị này, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 02 hàng năm.

- Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc và hiệu quả Chỉ thị này; trong

đó, tập trung tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị, kiểm điểm trách nhiệm, xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật liên quan đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm; có văn bản gửi Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 01 hàng năm để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

- Đề nghị các Huyện ủy, Thành ủy tăng cường công tác lãnh đạo đối với việc sắp xếp, xử lý tài sản công và công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn huyện, thành phố.

- Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể quần chúng và nhân dân tích cực tham gia giám sát cộng đồng đối với công tác quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đề nghị các Ban của HĐND tỉnh, HĐND huyện, thành phố tăng cường thực hiện giám sát việc chấp hành pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Sơn La tăng cường thông tin truyền thông, cổ vũ, động viên kịp thời những điển hình tốt trong bảo vệ, quản lý, sử dụng tài sản công; tích cực tham gia phát hiện và góp ý, phê phán những hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng tài sản công.

UBND tỉnh yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và đề nghị HĐND các cấp, các tổ chức Đoàn thể được giao quản lý, sử dụng tài sản công nghiêm túc triển khai thực hiện. Quá trình thực hiện, trường hợp có khó khăn vướng mắc, vượt thẩm quyền, các cơ quan, tổ chức kịp thời phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính) tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính (B/c);
- TT Tỉnh ủy (B/c);
- TT HĐND tỉnh (B/c);
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các đ/c Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh (CVP, CVK);
- UBND các huyện, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Sơn La;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, TH, Hà 100 bản.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/CT-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 5 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025

Thực hiện Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Công điện số 03/CĐ-BKHĐT ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; UBND tỉnh đã báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương về việc rà soát danh mục dự án kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; (*Kết luận số 263-KL/TU ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy*), trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã trình kỳ họp Chuyên đề lần thứ 9 của HĐND tỉnh khóa XV quyết định một số nội dung về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 các nguồn vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý theo tinh thần Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Công điện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 171/BC-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2021 và Công văn số 1509/UBND-NC ngày 26 tháng 5 năm 2021.

Tiếp tục thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng chính phủ, Công điện của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để đảm bảo chất lượng, tiến độ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025. Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 222/TTr-SKHĐT ngày 26 tháng 5 năm 2021. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị tập trung chỉ đạo thực hiện đồng bộ, quyết liệt các nội dung chủ yếu sau:

I. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc các nhiệm vụ, giải pháp tại Chỉ thị số 13/CT-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Công điện số 03/CĐ-BKHĐT ngày 24 tháng 5 năm 2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Kết luận số 263-KL/TU ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc rà soát danh mục dự án dự kiến bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Bám sát và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp, 03 khâu đột phá nêu tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội 10 năm 2021 - 2030, phương hướng phát triển kinh tế xã hội 05 năm 2021 - 2025 đã được Đại hội lần thứ XIII của Đảng thông qua; các khâu đột phá; các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm theo Nghị quyết số 15-NQ/TU ngày 24 tháng 9 năm 2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV.

3. Đảm bảo đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các ngành, lĩnh vực then chốt, các vùng động lực, cực tăng trưởng, các dự án lớn, quan trọng, nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, kém hiệu quả; bảo đảm vai trò dẫn dắt của vốn đầu tư công, là vốn môi để thu hút tối đa các nguồn lực từ các thành phần kinh tế khác theo phương châm “*đầu tư công dẫn dắt đầu tư tư*” để phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

4. Tập trung chỉ đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tăng cường kỷ luật, kỷ cương, xác định rõ vai trò trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan, đề cao trách nhiệm người đứng đầu và đảm bảo phối hợp công tác chặt chẽ, kịp thời ở tất cả các cấp, các ngành, các địa phương, cơ quan, đơn vị.

II. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

1. Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được xây dựng theo phương châm kế thừa, phát huy kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm của giai đoạn 2016 - 2020; khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế; đẩy mạnh đổi mới sáng tạo vì mục tiêu chung và quán triệt, thực hiện nghiêm các quan điểm chỉ đạo của Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương.

2. Tuân thủ các nguyên tắc, tiêu chí, định mức và thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định của Luật Đầu tư công, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Công văn số 419/TTg-KTTH ngày 02 tháng 4 năm 2021, các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025.

3. Thực hiện trình tự lập, thẩm định theo đúng quy định tại Điều 55 Luật Đầu tư công và các quy định pháp luật có liên quan trong đó đảm bảo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn của các huyện thành phố phải được HĐND cùng cấp cho ý kiến trước khi gửi UBND tỉnh.

4. Rà soát toàn bộ danh mục dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đặc biệt là các dự án khởi công mới, kiểm soát chặt chẽ sự cần thiết, phạm vi, quy mô từng dự án đảm bảo thực hiện các mục

tiêu, định hướng lớn của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025, không dàn trải, tập trung vào các dự án quan trọng, cấp thiết, sớm phát huy hiệu quả đầu tư.

III. NHIỆM VỤ

1. Giao các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

- Rà soát danh mục các dự án dự kiến bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách tỉnh, đề xuất cắt giảm những dự án chưa thực sự cần thiết, kém hiệu quả, lựa chọn các dự án quan trọng, cấp thiết sớm phát huy hiệu quả; kết quả rà soát gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp chung trước ngày 02 tháng 6 năm 2021.

- Khẩn trương hoàn chỉnh thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án khởi công mới để tổng hợp vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, đảm bảo tiến độ theo chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Công văn số 1189/UBND-TH ngày 04 tháng 5 năm 2021 về đơn đốc hoàn thiện hồ sơ, trình phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- UBND các huyện, thành phố khẩn trương tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của địa phương mình theo quy định tại Điều 55 Luật Đầu tư công, các văn bản pháp luật có liên quan và Công văn số 997/UBND-NC ngày 13 tháng 4 năm 2021 của UBND tỉnh Sơn La về việc dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh tại Chỉ thị này. Báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của các huyện, thành phố gửi UBND tỉnh (qua Sở Kế hoạch và Đầu tư) trước ngày 15 tháng 6 năm 2021.

- Đề xuất các cơ chế, chính sách cần bổ sung, sửa đổi để bảo đảm thực hiện hiệu quả kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Chủ động liên hệ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và tham mưu hoàn chỉnh phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 theo ý kiến của Bộ (nếu có); Tham mưu tổng hợp báo cáo và cập nhật kế hoạch đầu tư công trên hệ thống thông tin quản lý đầu tư công quốc gia sau khi HĐND tỉnh cho ý kiến theo quy định; Phối hợp chặt chẽ với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính trong quá trình tổng hợp kế hoạch đầu tư công của tỉnh vào kế hoạch đầu tư công quốc gia.

- Chủ động rà soát, trao đổi với các sở, ngành, địa phương, kiên quyết cắt giảm những dự án chưa thực sự cần thiết, kém hiệu quả; lựa chọn các dự án cần thiết, hiệu quả đầu tư đảm bảo thực hiện các mục tiêu, định hướng lớn của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025. Báo cáo kết quả rà soát các dự án dự kiến khởi công mới trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 gửi UBND tỉnh trong tháng 6 năm 2021.

- Đôn đốc, hướng dẫn các đơn vị lập báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án; Tổ chức thẩm định hoặc tham mưu cho Hội đồng thẩm định của tỉnh tổ chức thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án theo thẩm quyền.

- Chủ trì kiểm tra, đôn đốc các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; chủ trì rà soát và có văn bản gửi các huyện, thành phố về phương án dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 trước ngày 20 tháng 6 năm 2021.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ mục tiêu, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư. Kịp thời tham mưu đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện (nếu có).

3. Sở Tài chính phối hợp chặt chẽ với Sở Kế hoạch và Đầu tư thống nhất số vốn, cơ cấu vốn đầu tư công, rà soát kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 của các đơn vị, các huyện, thành phố.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố trực tiếp chỉ đạo, quán triệt, yêu cầu các cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý triển khai thực hiện ngay các nhiệm vụ nêu tại Chỉ thị này và chịu trách nhiệm toàn diện trước Chủ tịch UBND tỉnh về chất lượng, hiệu quả, tiến độ của việc xây dựng, triển khai kế hoạch đầu tư công.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tổng hợp báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh vào kế hoạch đầu tư công quốc gia; hoàn thiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 nguồn ngân sách địa phương báo cáo UBND tỉnh trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định ngay sau khi kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được Quốc hội phê duyệt; kịp thời báo cáo UBND tỉnh về tình hình thực hiện, khó khăn vướng mắc phát sinh và đề xuất các giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh (LĐVP+ CVCK);
- Lưu: VT, TH 150bản.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

Số: 20/CT-UBND

Sơn La, ngày 28 tháng 5 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022 - 2024

Năm 2021 là năm đầu tiên triển khai Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và Nghị quyết số 238/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh, tình hình thế giới, trong nước và trong tỉnh tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển bền vững, trong đó có diễn biến phức tạp, khó lường của đại dịch Covid-19.

Qua 05 tháng đầu năm, với sự vào cuộc tích cực của cả hệ thống chính trị, sự chỉ đạo, điều hành kịp thời, quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự nỗ lực của các cấp, các ngành, địa phương và sự đồng tình, ủng hộ mạnh mẽ của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội cơ bản ổn định và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh còn đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, đòi hỏi các cấp, các ngành phải nỗ lực đổi mới, chủ động các giải pháp, quyết tâm hoàn thành toàn diện các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

Để tiếp tục phát huy các kết quả đạt được, vượt qua các khó khăn thách thức, tạo tiền đề thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội trong năm 2022; theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 224/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 5 năm 2021. Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước tập trung chỉ đạo xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 3 năm 2022 - 2024 với các yêu cầu, nhiệm vụ và nội dung chủ yếu sau:

Phần I

XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

A. YÊU CẦU XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 phải được xây dựng trên cơ sở đánh giá đầy đủ, chính xác tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và dự báo tình hình trong tỉnh, trong nước, thế giới trong giai đoạn tới tác động, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; từ đó xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của kế hoạch năm 2022 phù hợp với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025.

~~Kế hoạch của các ngành, lĩnh vực, các huyện, thành phố phải phù hợp~~ với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm của tỉnh, của địa phương; phù hợp với đặc điểm, trình độ phát triển của từng ngành, từng địa phương và bảo đảm tính kết nối vùng. Trong quá trình xây dựng kế hoạch cần bám sát những dự báo, đánh giá tình hình và bối cảnh trong nước và trong tỉnh; đảm bảo kế thừa những thành quả đã đạt được, có đổi mới và tiếp thu những xu hướng phát triển chung cũng như khắc phục những tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ và giải pháp đưa ra phải đảm bảo tính khả thi, phù hợp với khả năng thực hiện của các cấp, các ngành, gắn với khả năng cân đối, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, bảo đảm sự gắn kết chặt chẽ giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công; lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững theo Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

B. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Những nội dung chủ yếu của báo cáo Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 gồm:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2021

Việc đánh giá tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 phải bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu, định hướng phát triển theo các Nghị quyết, Kết luận của Ban Chấp hành Đảng bộ và HĐND các cấp về phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, các Quyết định, Chỉ thị của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong điều hành thực hiện kế hoạch năm 2021; bảo đảm tính khách quan, trung thực, sát thực tiễn và có sự so sánh với kết quả thực hiện của năm 2020.

Trên cơ sở tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm 2021, đánh giá và ước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 trên tất cả các ngành, lĩnh vực được phân công phụ trách, quản lý; trong đó cần đánh giá đầy đủ, thực chất, chính xác các kết quả đạt được (*đặc biệt nêu rõ thành tựu nổi bật của năm 2021*), những khó khăn, hạn chế, phân tích rõ các nguyên nhân khách quan và chủ quan, đề xuất các giải pháp, biện pháp khắc phục, trong đó có đánh giá các tác động của thiên tai, dịch bệnh như đại dịch Covid-19. Các nội dung cần tập trung đánh giá gồm:

1. Các sở, ban, ngành đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Kết luận số 52-KL/TU ngày 03 tháng 12 năm 2020 Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2020; mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm năm 2021; Nghị quyết số 239/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của HĐND tỉnh về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021; Quyết định số 68/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2021 của UBND tỉnh về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã

~~hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao~~
năng lực cạnh tranh Quốc gia năm 2021; trong đó báo cáo đầy đủ việc thực hiện các chỉ tiêu năm 2021 đã được giao tại Nghị quyết của HĐND tỉnh.

2. Các huyện, thành phố đánh giá theo các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện và Nghị quyết của HĐND huyện, thành phố về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

3. Các nội dung cần tập trung đánh giá bao gồm:

3.1. Tình hình triển khai các nhiệm vụ, giải pháp tháo gỡ khó khăn trong sản xuất kinh doanh, đảm bảo an sinh xã hội ứng phó với dịch Covid-19.

3.2. Tình hình thực hiện chủ trương, chính sách về cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh theo từng ngành, lĩnh vực và địa phương. Trong đó tập trung:

a) Phân tích chất lượng tăng trưởng kinh tế;

b) Thực hiện cơ cấu lại của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; khả năng cạnh tranh của một số sản phẩm chủ yếu, chủ lực,...;

c) Thực hiện cơ cấu lại một số lĩnh vực trọng tâm, gồm: Đầu tư công; các tổ chức tín dụng; doanh nghiệp nhà nước; ngân sách nhà nước; khu vực công; đơn vị sự nghiệp công lập;

d) Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; cải thiện môi trường kinh doanh, hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp; môi trường kinh doanh mới dựa trên ứng dụng công nghệ số; năng lực sản xuất mới tăng thêm trong năm 2021.

3.3. Tình hình thực hiện các đột phá chiến lược về tăng cường cải cách hành chính, nâng cao năng lực cạnh tranh và cải thiện môi trường đầu tư; đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh theo hướng đồng bộ, tạo động lực thu hút đầu tư; chú trọng cải thiện và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thực tiễn.

3.4. Tình hình và kết quả thực hiện cân đối thu, chi ngân sách nhà nước, quản lý nợ công, nợ chính quyền địa phương; xuất nhập khẩu...

3.5. Tình hình huy động và sử dụng các nguồn vốn đầu tư phát triển, như: vốn ngân sách nhà nước; vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước; vốn đầu tư của doanh nghiệp nhà nước; vốn đầu tư của khu vực dân cư và tư nhân; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI); vốn huy động khác.

3.6. Tình hình thực hiện các mục tiêu về văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, như: Công tác bảo đảm an sinh xã hội, phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm bệnh nghề nghiệp và tai nạn lao động; chăm sóc người có công; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn; phát triển và đổi mới giáo dục đào tạo, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, xóa đói giảm nghèo; công tác y tế, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đặc biệt là công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19; công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình; thông tin, văn

~~hóa, thể dục thể thao; thực hiện các quyền của trẻ em, phát triển thanh niên,~~
thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện chính sách dân
tộc, tôn giáo; phòng, chống tệ nạn xã hội, nạn tin giả; phòng, chống cháy nổ;
tai nạn giao thông...

3.7. Tình hình thực hiện công tác quy hoạch; phát triển đô thị; thị trường
bất động sản; thực hiện Chương trình phát triển nhà ở trên địa bàn tỉnh; thực
hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.8. Tình hình thực hiện quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng
phó với biến đổi khí hậu; triển khai và thực hiện Chương trình nghị sự năm
2030 vì sự phát triển bền vững; ngăn ngừa và xử lý các cơ sở gây ô nhiễm môi
trường, đặc biệt tình hình khai thác cát sỏi trái phép, xử lý cơ sở gây ô nhiễm
môi trường nghiêm trọng, tình hình hạn hán, sạt lở, tình trạng ô nhiễm môi
trường đô thị...

3.9. Kết quả đạt được trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ
vào trong thực tiễn, đóng góp của yếu tố khoa học công nghệ đối với tăng
trưởng kinh tế.

3.10. Tình hình thực hiện nhiệm vụ về củng cố quốc phòng, an ninh, bảo
vệ chủ quyền quốc gia; bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; triển
khai hiệu quả công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế. Đánh giá kết quả thực
hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội gắn với bảo đảm an ninh trật tự trên
các lĩnh vực, địa bàn trọng điểm.

3.11. Tình hình thực hiện cải cách hành chính, cải cách tư pháp; thực
hiện xây dựng chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; hiệu lực,
hiệu quả quản lý nhà nước; chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ
cương; sắp xếp và tinh gọn bộ máy; công tác phòng, chống tham nhũng, thực
hành tiết kiệm, chống lãng phí...

3.12. Kết quả trong công tác chỉ đạo, phối hợp và tổ chức thực hiện kế
hoạch năm 2021 trong từng ngành, lĩnh vực và địa phương.

Căn cứ đặc điểm, tình hình của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý, các cơ
quan, đơn vị tiến hành đánh giá, bổ sung các nội dung, chỉ tiêu cho phù hợp và
đầy đủ với tình hình của đơn vị.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2022

Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022 xây dựng trong bối cảnh
tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; cuộc Cách mạng công
nghiệp lần thứ tư sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến mọi mặt của đời
sống; biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ; dịch
bệnh diễn biến phức tạp, đặc biệt là đại dịch Covid-19. Trong nước, tình hình
chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định; niềm tin của cộng đồng doanh
nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,... Kinh tế của tỉnh đã đạt được những
kết quả tích cực; tuy nhiên, trong giai đoạn tới còn nhiều khó khăn, thách thức
đặt ra như: Cơ sở hạ tầng còn hạn chế so với yêu cầu phát triển; quy mô và sức
cạnh tranh của các ngành, lĩnh vực còn nhỏ bé; đời sống của một bộ phận nhân

~~dân còn nhiều khó khăn, thời tiết, dịch bệnh còn có thể có những diễn biến phức tạp...~~

Trong bối cảnh đó, các cơ quan, đơn vị nghiên cứu, xác định các vấn đề cơ bản của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, trong đó tập trung vào các nội dung chủ yếu sau:

1. Bối cảnh xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, bao gồm nhận định, phân tích những cơ hội, thuận lợi, thách thức, rủi ro của bối cảnh thế giới, trong nước và trong tình tác động đến việc xây dựng và thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội.

2. Mục tiêu tổng quát của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

3. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu

Các cơ quan, đơn vị đề xuất xây dựng kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu năm 2022 đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế triển khai thực hiện và lộ trình phấn đấu hoàn thành mục tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.

4. Các định hướng, nhiệm vụ chủ yếu

4.1. Đẩy mạnh cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thúc đẩy khởi nghiệp, sáng tạo; khắc phục thiệt hại, phục hồi sản xuất kinh doanh và tăng trưởng kinh tế sau thiên tai, dịch bệnh. Tập trung tháo gỡ khó khăn, rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách tạo động lực thu hút đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và phát triển du lịch.

4.2. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, tăng cường sức chống chịu của nền kinh tế; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện. Mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, đa dạng hóa đối tác, nguồn hàng. Thu hút đẩy mạnh đầu tư nhà máy chế biến, công nghệ sơ chế, bảo quản theo hướng chế biến sâu, phục vụ xuất khẩu, nâng cao hiệu quả sản xuất, đẩy mạnh tiêu thụ và xuất khẩu nông sản an toàn trong tỉnh.

4.3. Tập trung phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; đẩy mạnh ứng dụng khoa học - công nghệ trên các lĩnh vực. Nâng cao chất lượng sản phẩm nông sản hàng hóa chủ lực của tỉnh theo chuỗi giá trị, phát huy tiềm năng lợi thế của địa phương gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu sản phẩm nông nghiệp. Tập trung vào các nông sản chủ lực của tỉnh nhằm tạo sản phẩm có năng suất, chất lượng đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu.

4.4. Phát triển kinh tế du lịch; tập trung thu hút các nguồn lực đầu tư Khu du lịch Quốc gia Mộc Châu. Tăng cường công tác xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng trọng tâm, trọng điểm; chủ động các kịch bản để phục hồi ngành du lịch thích ứng với bối cảnh “*bình thường mới*” sau dịch Covid-19, hướng tới mục tiêu phát triển du lịch bền vững, an toàn cho mọi người, lấy người dân, du khách là trung tâm.

~~4.5. Tăng cường đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội. Nâng~~
cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư, đặc biệt là các công trình trọng điểm. Ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông; thủy lợi; năng lượng; đô thị; nông thôn... và hạ tầng giáo dục; y tế; dịch vụ công cộng... Gắn việc phát triển kết cấu hạ tầng nông thôn với chương trình xây dựng nông thôn mới, phát triển hạ tầng thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp. Tiếp tục quan tâm đầu tư kết cấu hạ tầng thiết yếu (*điện, đường, trường, trạm, ...*) cho những xã đặc biệt khó khăn.

4.6. Nâng cao chất lượng và sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực gắn với đẩy mạnh đổi mới sáng tạo, ứng dụng và phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ; chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có kỹ năng, trình độ chuyên môn kỹ thuật cao để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; nâng cao vai trò, trách nhiệm của doanh nghiệp trong đào tạo. Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Phát triển mạnh mẽ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm tạo bứt phá nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế.

4.7. Tiếp tục xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát huy giá trị văn hóa các dân tộc Sơn La, xây dựng con người phát triển toàn diện. Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân, chất lượng dân số; phòng, chống dịch bệnh; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; thực hiện các quyền trẻ em, thúc đẩy bình đẳng giới và vì sự tiến bộ của phụ nữ; thực hiện tốt chính sách dân tộc, tôn giáo; gắn kết hài hòa giữa phát triển kinh tế với xã hội. Đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo, thúc đẩy phát triển kinh tế vùng sâu, vùng xa, biên giới, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Phát triển và nâng cao chất lượng báo chí, truyền thông tạo đồng thuận xã hội, đề cao ý thức, trách nhiệm, đạo đức xã hội, sống và làm việc theo pháp luật.

4.8. Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai; thực hiện mục tiêu phát triển bền vững; chú trọng bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh, trồng mới rừng hàng năm, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4.9. Tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, chất lượng đội ngũ cán bộ, chấp hành kỷ luật, kỷ cương, sắp xếp và tinh gọn bộ máy; phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công tác tư pháp, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

4.10. Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ và giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng. Tăng cường công tác đối ngoại và hợp tác quốc tế; chủ động và tích cực trong hội nhập quốc tế.

Trên cơ sở các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ chủ yếu nêu trên, các cơ quan, đơn vị cụ thể hóa các cơ chế, giải pháp, chính sách để thực hiện

~~thành công kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Cơ chế, giải pháp,~~
chính sách phải bảo đảm sự thống nhất về các nguyên tắc, mục tiêu chung, đồng thời phải phù hợp với điều kiện thực tiễn và trình độ phát triển của từng ngành và từng địa phương.

Phần II

XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022, KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 3 NĂM 2022 - 2024

I. NHIỆM VỤ XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Năm 2022 là năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2022 - 2025, năm thứ hai thực hiện trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và kế hoạch tài chính 05 năm địa phương 2021 - 2025. Nhiệm vụ xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024 phải tuân thủ theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo sát với kết quả thực hiện năm 2021 của địa phương, có tính dự báo năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2024.

II. NGUYÊN TẮC, YÊU CẦU, ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG

1. Nguyên tắc

Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024 phải thống nhất với Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch Tài chính 05 năm địa phương 2021 - 2025, các Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XV và văn bản chỉ đạo có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Việc triển khai xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 phải đảm bảo tính hệ thống, công khai, minh bạch, công bằng, có sự phối hợp thống nhất chỉ tiêu chung của tỉnh và chỉ tiêu của các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị, đảm bảo nguyên tắc tăng cường trách nhiệm giải trình trong xây dựng kế hoạch và phân bổ các nguồn lực.

2. Yêu cầu

Đánh giá sát, đúng thực chất tình hình thực hiện nhiệm vụ ngân sách nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 và tình hình thực hiện năm 2021, bao gồm: Các mục tiêu, nhiệm vụ được giao; thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng đầu năm 2021 và ước thực hiện cả năm 2021; phân tích, đánh giá những kết quả đạt được và các tồn tại, hạn chế, trong đó phân tích nguyên nhân, để xây dựng các giải pháp khắc phục.

Trên cơ sở kết quả đã đạt được trong lĩnh vực tài chính ngân sách giai đoạn 2017 - 2020, ước thực hiện năm 2021, dự báo tình hình trong nước, trong tỉnh, trên địa bàn năm 2022 và các năm tiếp theo. Các sở, ban, ngành, đơn vị dự

~~toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố xác định mục tiêu, nhiệm vụ và các~~
chỉ tiêu dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2024.

3. Định hướng xây dựng

Tiếp tục thực hiện mục tiêu cơ cấu lại ngân sách nhà nước, theo hướng giảm tỷ trọng chi thường xuyên, dần tăng tỷ trọng chi đầu tư; phân đầu tăng dần tỷ trọng thu nội địa theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính, đảm bảo đủ nguồn kinh phí chi trả nợ chính quyền địa phương; các khoản chi cho con người, chi an sinh xã hội, chi thực hiện các chương trình, mục tiêu trọng điểm và chi cho quốc phòng, an ninh; kiểm soát bội chi, nợ chính quyền địa phương theo mục tiêu đề ra.

III. XÂY DỰNG DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

1. Dự toán thu ngân sách nhà nước

Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022 phải được xây dựng theo đúng chính sách, chế độ hiện hành. Trên cơ sở đánh giá sát tình hình thu ngân sách năm 2021, cần phân tích, dự báo tình hình kinh tế trong nước và địa phương để làm cơ sở xây dựng dự toán thu ngân sách nhà nước năm 2022, đặc biệt là các nguy cơ suy thoái kinh tế do tác động của đại dịch Covid-19, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh và các nhân tố khác làm thay đổi tình hình sản xuất - kinh doanh, đầu tư, phát triển của doanh nghiệp và hoạt động thương mại, xuất nhập khẩu. Tính toán, phân tích kỹ các yếu tố tác động đến tăng, giảm thu nội địa do thay đổi chính sách pháp luật về thu và thực hiện lộ trình cắt giảm thuế để thực hiện các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế.

Thực hiện các biện pháp cải cách hành chính, hiện đại hóa công tác quản lý thu; tăng cường thanh tra, kiểm tra, chống thất thu, quản lý chặt chẽ giá tính thuế, mở rộng triển khai hóa đơn điện tử; phát hiện và ngăn chặn các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, chuyển giá, trốn lậu thuế; tăng cường xử lý nợ đọng thuế. Dự toán tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn năm 2022 phân đầu tăng bình quân toàn tỉnh từ 9 - 10% theo chủ trương của Thủ tướng Chính phủ so với đánh giá ước thực hiện năm 2021 (*không kể các khoản thu có tính chất ổn định như thu từ thủy điện, thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết,...*). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh và trên từng địa bàn huyện, thành phố.

Dự toán thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất tiếp tục được xây dựng trên cơ sở kế hoạch đầu giá quyền sử dụng đất, phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự toán chi ngân sách nhà nước

Xây dựng dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 phải đảm bảo đúng tiêu chuẩn, định mức chi và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước, đảm bảo khớp đúng với Kế hoạch tài chính địa phương 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024 và các mục tiêu cơ cấu lại ngân sách giai đoạn 2021 - 2025, gắn với việc triển khai các Nghị

~~quyết số 18-NQ/TW và Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 6~~
(Khóa XII), Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII); thực hiện triệt để tiết kiệm, chống lãng phí ngay từ khâu xác định nhiệm vụ với dự toán chi, đảm bảo công khai, minh bạch, từng bước gắn với kết quả triển khai thực hiện; chủ động sắp xếp các khoản chi và thứ tự ưu tiên thực hiện các nhiệm vụ theo mức độ cấp thiết, quan trọng và khả năng triển khai thực hiện năm 2022. Chỉ trình cấp có thẩm quyền ban hành chính sách, đề án, nhiệm vụ mới khi thực sự cần thiết và chắc chắn nguồn vốn thực hiện; dự toán đầy đủ nhu cầu kinh phí thực hiện các chính sách, chế độ, nhiệm vụ mới đã được cấp có thẩm quyền quyết định năm 2021; không bố trí dự toán chi cho các chính sách chưa ban hành.

Khi xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố lưu ý một số nội dung:

2.1. Chi đầu tư phát triển

Chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước *(bao gồm cả nguồn vốn ODA, vốn viện trợ, vốn Trái phiếu Chính phủ, nguồn thu xổ số kiến thiết, nguồn thu từ bán vốn nhà nước tại một số doanh nghiệp, nguồn thu tiền sử dụng đất)* phải phục vụ mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2021 - 2025.

Việc bố trí vốn kế hoạch chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phải thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý nợ công và các văn bản hướng dẫn; bám sát các mục tiêu cơ cấu lại đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 theo Kế hoạch của cấp có thẩm quyền. Bố trí vốn theo tiến độ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho các dự án chuyển tiếp; bố trí vốn thu hồi vốn ứng trước, đầu tư cho các chương trình mục tiêu đã được phê duyệt nhằm hướng đến mục tiêu giảm nghèo, tạo việc làm, phát triển nông nghiệp, nông thôn, các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai; các dự án, công trình y tế, giáo dục, các dự án phát triển hạ tầng trọng điểm tạo sức lan tỏa và kết nối phát triển giữa các vùng; các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng - an ninh, bảo vệ chủ quyền an ninh biên giới. Mức bố trí vốn cho từng dự án phải phù hợp với tiến độ thực hiện và khả năng giải ngân trong năm 2022; không bố trí vốn cho các dự án không có khả năng giải ngân năm 2022.

Toàn bộ số thu sắp xếp lại, xử lý tài sản công *(trong đó có nhà, đất)* và số thu từ cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng và số thu từ khai thác quỹ đất, mặt nước *(sau khi trừ chi phí liên quan)* phải nộp ngân sách nhà nước và được ưu tiên bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước cho mục đích đầu tư phát triển theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và các văn bản hướng dẫn Luật. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2022 từ nguồn thu này gửi cơ quan kế hoạch và đầu tư, cơ quan tài chính cùng cấp để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước trình cấp có thẩm quyền quyết định.

2.2. Chi thường xuyên

Xây dựng dự toán chi thường xuyên theo các lĩnh vực cụ thể, đảm bảo đáp ứng các nhiệm vụ chính trị quan trọng, thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ Nhà nước đã ban hành, nhất là các chính sách chi cho con người, chi an sinh xã hội; chú trọng cải cách hành chính theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, tận dụng hiệu quả các cơ hội từ những thay đổi mạnh mẽ, nhanh chóng của khoa học và công nghệ; tiếp tục triển khai quyết liệt Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (Khóa XII), kiên quyết đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, giảm đầu mối, tránh chồng chéo, tinh giản biên chế gắn với cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức. Đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thực hiện cơ chế tự chủ và nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập của từng lĩnh vực.

Triệt để tiết kiệm các khoản chi ngân sách; rà soát sắp xếp các nhiệm vụ chi chưa thực sự cấp thiết; hạn chế mua sắm xe ô tô công và trang thiết bị đắt tiền, thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô công theo quy định; hạn chế tối đa tổ chức hội nghị, lễ hội, hội thảo, khánh tiết, công tác nước ngoài,... Tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, đồng thời dành nguồn để thực hiện lộ trình cải cách chính sách tiền lương và bảo hiểm xã hội theo tinh thần Nghị quyết số 27- NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII). Đẩy mạnh sắp xếp lại, đổi mới cơ chế hoạt động của quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; cơ chế tài chính đặc thù đối với cơ quan, đơn vị trong ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật.

2.3. Các đơn vị hành chính, sự nghiệp

Việc xây dựng dự toán chi phải căn cứ các tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên của ngân sách nhà nước do cơ quan có thẩm quyền quyết định và chế độ tài chính hiện hành của nhà nước; xây dựng dự toán đối với đơn vị sự nghiệp công phải quán triệt đầy đủ yêu cầu theo Nghị quyết số 19-NQ/TW của Hội nghị Trung ương (Khóa XII). Trên cơ sở dự kiến đầy đủ các khoản thu sự nghiệp theo quy định, giảm mức hỗ trợ trực tiếp của Nhà nước đối với các đơn vị sự nghiệp công lập trên cơ sở mức điều chỉnh giá dịch vụ công, nâng cao chất lượng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Tiết a, Khoản 1, Điều 10, Nghị định số 16/2016/NĐ-CP của Chính phủ.

Các sở, ban, ngành, các cơ quan, đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước, lập dự toán chi thường xuyên đảm bảo đúng đối tượng, phạm vi sử dụng đối với từng nguồn kinh phí, triệt để tiết kiệm, hiệu quả. Thực hiện rà soát, cắt giảm ngay từ khâu xây dựng dự toán những khoản chi không thực sự cần thiết, gắn với tinh giản biên chế, sắp xếp lại bộ máy hành chính, tăng cường quản lý các khoản chi phí khác.

2.4. Dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương

Tiếp tục lập dự toán tạo nguồn cải cách tiền lương theo Nghị quyết số 27-NQ/TW và Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị Trung ương 7 (Khóa XII), bao gồm: Nguồn tiết kiệm chi thường xuyên (*trừ các khoản tiền lương,*

~~phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ~~); nguồn tăng thu ngân sách địa phương (không kể thu tiền sử dụng đất, thu từ hoạt động xổ số kiến thiết); một phần nguồn thu được để lại theo chế độ quy định; nguồn thực hiện cải cách tiền lương các năm trước còn dư...

2.5. Ngân sách các cấp bố trí dự phòng ngân sách theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 (tối thiểu 2%) và không thấp hơn chỉ tiêu dự phòng cấp trên giao, chỉ tiêu tăng dự phòng do tăng thu, chi ngân sách do HĐND các cấp quyết nghị, để chủ động ứng phó với thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh và thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh ngoài dự toán, các nhiệm vụ chi khác nhưng chưa được dự toán.

2.6. Các cơ quan, đơn vị báo cáo tình hình thu - chi tài chính năm 2021 và dự kiến kế hoạch thu - chi tài chính năm 2022 của các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

3. Xây dựng dự toán ngân sách địa phương

Ngoài thực hiện các nội dung theo Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các nội dung tại Chỉ thị này, các cấp, các ngành thực hiện một số yêu cầu sau:

3.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn

Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh phối hợp với các cơ quan liên quan chấp hành nghiêm việc lập dự toán thu ngân sách nhà nước. Xây dựng dự toán thu ngân sách với yêu cầu sát thực tế phát sinh, tổng hợp đầy đủ các khoản thu ngân sách mới trên địa bàn; không dành dư để địa phương giao thu ở mức cao hơn; lấy chỉ tiêu trung ương giao làm căn cứ chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ thu ngân sách trên địa bàn. Chủ tịch UBND các huyện, thành phố chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh trong việc chỉ đạo cơ quan tài chính, thuế phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan cùng cấp triển khai thực hiện có hiệu quả nội dung này trên địa bàn các huyện, thành phố.

3.2. Dự toán chi ngân sách địa phương

Căn cứ vào dự kiến nguồn thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp, số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên (nếu có) trong thời kỳ ổn định ngân sách; trên cơ sở mục tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm giai đoạn 2021 - 2025, căn cứ thực hiện các nhiệm vụ chi ngân sách của địa phương năm 2021 và mục tiêu, nhiệm vụ của năm 2022, xây dựng dự toán chi ngân sách địa phương (chi đầu tư, chi thường xuyên) chi tiết từng lĩnh vực chi theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, đảm bảo ưu tiên bố trí đủ dự toán nhu cầu kinh phí thực hiện các dự án, nhiệm vụ đã cam kết, chế độ chính sách đã ban hành; xác định dự toán bổ sung từ ngân sách cấp trên để thực hiện các chính sách, chế độ sau khi đã chủ động sử dụng các nguồn của địa phương.

3.3. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước tập trung chỉ đạo và thực hiện công tác quyết toán,

~~kiểm tra, xét duyệt và thẩm định quyết toán ngân sách năm 2020 theo quy~~
định tại Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn hiện hành; thực hiện công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2021; tiến hành thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng vốn đầu tư phát triển; xử lý, giải quyết ngay từ khâu xây dựng dự toán những tồn tại, sai phạm trong bố trí dự toán chi ngân sách chưa phù hợp với tình hình triển khai thực hiện và Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ, HĐND đã được cơ quan thanh tra, kiểm toán phát hiện, kiến nghị theo quy định của pháp luật.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 03 NĂM 2022 - 2024

Trên cơ sở dự toán Ngân sách nhà nước năm 2022, các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025, các Nghị quyết của Trung ương khóa XII về tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, đổi mới các đơn vị sự nghiệp công lập và các Nghị quyết về cải cách tiền lương, bảo hiểm xã hội các cơ quan, đơn vị, lập kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm giai đoạn 2022 - 2024 thuộc phạm vi quản lý, theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành, gửi Sở Tài chính và Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp theo quy định.

Tùy điều kiện, đặc điểm và mục tiêu, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn, UBND các huyện, thành phố xây dựng cụ thể các chỉ tiêu dự báo trung hạn 03 năm 2022 - 2024 về thu ngân sách; dự kiến tổng chi ngân sách, chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên phân cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2022 -2024 phù hợp với khả năng cân đối thu ngân sách địa phương, trong đó đảm bảo chi thường xuyên bao gồm đầy đủ các chế độ, chính sách an sinh xã hội đến thời điểm dự toán năm 2022 được cấp có thẩm quyền ban hành.

Phần III

NHIỆM VỤ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2022

Kế hoạch đầu tư công năm 2022 tiếp tục thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022.

Việc xây dựng Kế hoạch đầu tư công năm 2022 thực hiện theo quy định Luật Đầu tư công năm 2019, Luật Ngân sách Nhà nước, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 144/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2020 của HĐND tỉnh ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025; trong đó lưu ý nguyên tắc:

- Xác định rõ mục tiêu, thứ tự ưu tiên trong kế hoạch đầu tư công năm 2022 phù hợp với kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021 - 2025 đã được cấp thẩm quyền phê duyệt; phù hợp với khả năng thực hiện và tiến độ giải ngân của từng dự án trong năm 2022.

~~Ưu tiên bố trí vốn để thanh toán khối lượng hoàn thành của các dự án~~
đã có trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025.

- Phương án phân bổ chi tiết kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2022 cho từng dự án không được vượt mức vốn đã bố trí trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021 - 2025 trừ đi số vốn đã bố trí trong kế hoạch năm 2021.

Phần IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Xây dựng văn bản hướng dẫn các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch đầu tư công năm 2022.

Chủ trì tổng hợp, xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công năm 2022 trình UBND tỉnh, báo cáo Ban Cán sự Đảng UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 7 năm 2021, trình xin ý kiến Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực HĐND tỉnh trước ngày 25 tháng 7 năm 2021 và báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 31 tháng 7 năm 2021.

Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và Kế hoạch đầu tư công năm 2022 của các cơ quan, đơn vị.

2. Sở Tài chính

- Căn cứ Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và chỉ đạo của UBND tỉnh, ban hành văn bản hướng dẫn cụ thể về nội dung, tiến độ xây dựng Dự toán ngân sách nhà nước năm 2022, Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, các đơn vị có liên quan tổng hợp, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 và kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm 2022 - 2024 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và hướng dẫn của Bộ Tài chính, báo cáo UBND tỉnh trước ngày 15 tháng 7 năm 2021.

3. Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố

- Hướng dẫn các đơn vị, chính quyền cơ sở xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công và dự toán ngân sách năm 2022 thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách và của địa phương.

- Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Kế hoạch đầu tư công, Dự toán ngân sách Nhà nước năm 2022 và Kế hoạch tài chính - ngân sách 03 năm 2022 - 2024 thuộc ngành, lĩnh vực và địa phương phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh và của ngành mình, cấp mình theo các nội dung và yêu cầu nêu trên trình cấp có thẩm quyền; đồng thời gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính tổng hợp trước ngày 30 tháng 6 năm 2021.

~~Tổ chức lấy ý kiến rộng rãi các cơ quan liên quan, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, cộng đồng dân cư, nhất là các nhà đầu tư và doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp..., về dự thảo kế hoạch và dự toán năm 2022 nhằm tạo sự đồng thuận cao, trước khi trình cấp có thẩm quyền quyết định.~~

4. Cục Thống kê tỉnh

Cung cấp số liệu Tổng cục Thống kê tính toán, đánh giá lại chỉ tiêu Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) giai đoạn 2016 - 2020 để tạo cơ sở xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022; phối hợp, hướng dẫn các sở, ngành chuyển đổi năm 2020 là năm gốc để tính các chỉ tiêu thống kê theo giá so sánh.

Yêu cầu Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Giám đốc các doanh nghiệp nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước và các đơn vị liên quan căn cứ tổ chức triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành chỉ thị xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022; Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện, trường hợp có những quan điểm chủ trương mới, giao Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Tài chính rà soát, tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- Đ/c PCT TT UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Sở Tư pháp;
- Các Huyện ủy, Thành ủy (p/h);
- TT HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Các DNNN trên địa bàn tỉnh;
- VP UBND tỉnh (LĐVP+ CVCK);
- Lưu: VT, TH.

(b/c)

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1047/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 30 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về huy động lực lượng, phương tiện tham gia các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các cấp, các ngành trong trường hợp xảy ra cháy, nổ lớn và tai nạn, sự cố phức tạp trên địa bàn tỉnh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị định số 83/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ Quy định về công tác cứu nạn cứu hộ của lực lượng phòng cháy và chữa cháy;

Theo đề nghị của Công an tỉnh tại Tờ trình số 125/TTr-CAT-PCCC ngày 05 tháng 5 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy định về huy động lực lượng, phương tiện tham gia các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các cấp, các ngành trong trường hợp xảy ra cháy, nổ lớn và tai nạn, sự cố phức tạp trên địa bàn tỉnh*”, gồm: 04 Chương, 34 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp xã và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Công an (để b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục CS, PCCC&CNCH, Bộ Công an;
- Như Điều 3;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh phụ trách NC;
- Lưu: VT, NC, ĐH50b.

CHỦ TỊCH**(Đã ký)****Hoàng Quốc Khánh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về huy động lực lượng, phương tiện tham gia các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các cấp, các ngành trong trường hợp xảy ra cháy, nổ lớn và tai nạn, sự cố phức tạp trên địa bàn tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1047/QĐ-UBND ngày 30/5/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về nguyên tắc, trách nhiệm, thẩm quyền và thủ tục huy động lực lượng, phương tiện của các cấp, các ngành tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (CC&CNCH) trong trường hợp xảy ra cháy, nổ lớn và tai nạn, sự cố phức tạp trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (PCCC&CNCH) của các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, các đơn vị Công an, Quân đội, Biên phòng đóng quân trên địa bàn tỉnh; các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nguyên tắc huy động

1. Công tác huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân tại địa bàn nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố phải được tiến hành khẩn trương, kịp thời theo phương châm “Bốn tại chỗ” (*chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ*). Sử dụng mọi nguồn lực để nâng cao hiệu quả trong công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, ưu tiên các hoạt động cứu người, cứu tài sản, chống cháy lan.

2. Khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố ở các cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương nào thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, địa phương đó chịu trách nhiệm điều hành, chỉ huy công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ban đầu; được quyền huy động lực lượng, phương tiện của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong phạm vi quản lý của mình để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; đồng thời báo cáo lãnh đạo cơ quan cấp trên trực tiếp và báo ngay cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp qua số điện thoại 114 để kịp thời chi viện, ứng cứu.

3. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân khi nhận được lệnh huy động phải nhanh chóng huy động người và phương tiện đến nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố để chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đồng thời khi tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải chấp hành mệnh lệnh của người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại hiện trường.

4. Bảo đảm sự chỉ đạo, chỉ huy, điều hành tập trung, thống nhất và phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng được huy động trong suốt quá trình tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Trong đó xác định rõ lực lượng chủ trì, lực lượng phối hợp trong từng hoạt động của quá trình triển khai chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

5. Khi tiến hành các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải bảo đảm an toàn đối với người, phương tiện tham gia thực hiện nhiệm vụ và nạn nhân, đồng thời hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản.

6. Lực lượng, phương tiện được huy động để tham gia các hoạt động chữa cháy và cứu nạn cứu hộ phải đảm bảo hoạt động tốt nhất phục vụ cho công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

7. Lực lượng, phương tiện của các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động tham gia các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ bị thiệt hại sẽ được bồi thường theo quy định của pháp luật.

8. Việc huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Quân đội, Biên phòng và Công an phải bảo đảm tập trung, thống nhất, đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức của các đơn vị theo quy định của pháp luật; bảo đảm sự đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau thực hiện tốt nhiệm vụ được giao nhưng không ảnh hưởng đến nhiệm vụ riêng và công việc nội bộ giữa lực lượng Công an nhân dân và Quân đội nhân dân. Quá trình phối hợp phải đảm bảo bí mật về lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ, hồ sơ, tài liệu, thông tin liên quan đến hoạt động phối hợp trong công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của từng lực lượng.

Điều 3. Tổ chức chỉ đạo, chỉ huy, điều hành công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Cấp tỉnh

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tỉnh.

b) Cơ quan chỉ huy, điều hành: Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, các sở, ban, ngành có liên quan và UBND cấp huyện nơi xảy ra cháy, nổ, sự cố tai nạn.

2. Cấp huyện

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các huyện, thành phố.

b) Cơ quan chỉ huy, điều hành: Đội chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khu vực thuộc Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh (đóng tại địa bàn), Công an huyện, Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thành phố, các ban, ngành có liên quan và UBND cấp xã nơi xảy ra cháy, nổ, sự cố tai nạn.

3. Cấp xã

a) Cơ quan chỉ đạo: Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ các xã, phường, thị trấn.

b) Cơ quan chỉ huy, điều hành: Công an xã, Ban Chỉ huy Quân sự các xã, phường, thị trấn và các lực lượng có liên quan.

Chương II **QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Điều 4. Trách nhiệm tham gia chữa cháy và cứu nạn cứu hộ

1. Người phát hiện thấy cháy, nổ, tai nạn, sự cố bằng mọi hình thức phải thông báo nhanh nhất và tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân gần nơi cháy, nổ, tai nạn, sự cố phải nhanh chóng thông tin và tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Người có mặt tại nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố phải tìm mọi biện pháp để cứu người, ngăn chặn cháy lan và chữa cháy.

2. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy khi nhận được tin báo cháy, nổ, tai nạn, sự cố trên địa bàn hoặc nhận được lệnh huy động phải nhanh chóng đến nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố; tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, đồng thời báo cho các cơ quan, đơn vị cần thiết khác để kịp thời huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; trường hợp cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra ngoài địa bàn được phân công quản lý thì sau khi nhận được tin báo phải bằng mọi cách nhanh chóng báo cho các cơ quan, đơn vị quản lý địa bàn nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố biết để xử lý, đồng thời báo cáo cấp trên của mình.

3. Lực lượng công an, quân đội, dân quân tự vệ, các cơ quan y tế, điện lực, cấp nước, môi trường đô thị, giao thông và các cơ quan hữu quan khác trên địa bàn tỉnh khi nhận được yêu cầu của người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải nhanh chóng huy động người và phương tiện đến nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố để phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

4. Chủ tịch UBND cấp xã, người đứng đầu cơ quan, tổ chức nơi xảy ra cháy có trách nhiệm chỉ đạo, chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, bảo đảm các điều kiện phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; nếu vượt quá khả năng của mình thì nhanh chóng báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện hoặc người đứng đầu cơ quan chủ quản cấp trên chỉ đạo giải quyết; trường hợp thật cần thiết thì báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, đồng thời báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện. UBND các địa phương và các cơ quan đơn vị giáp ranh phải xây dựng phương án phối hợp và tổ chức lực lượng tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi có yêu cầu.

Điều 5. Thẩm quyền huy động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức và Chủ tịch UBND cấp xã được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong phạm vi quản lý của mình.

2. Trưởng phòng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp huyện được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của lực lượng phòng cháy và chữa cháy trong phạm vi quản

lý của mình. Sau khi huy động thì thông báo cho người có thẩm quyền quản lý lực lượng, phương tiện và tài sản đó biết.

3. Chủ tịch UBND cấp huyện được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức trong phạm vi quản lý của mình.

4. Giám đốc Công an cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của lực lượng Công an thuộc phạm vi quản lý của mình.

5. Chủ tịch UBND cấp tỉnh được quyền huy động lực lượng, phương tiện và tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân trong phạm vi quản lý của mình và lực lượng quân đội đóng ở địa phương.

6. Trường hợp cần huy động lực lượng, phương tiện và tài sản ngoài phạm vi quản lý của mình thì phải báo cho người lãnh đạo cấp trên có thẩm quyền huy động để quyết định. Sau khi huy động thì thông báo cho người có thẩm quyền quản lý lực lượng, phương tiện và tài sản đó biết.

7. Phương tiện được huy động: Các phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới, phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thông dụng, phương tiện cứu người, phương tiện và dụng cụ phá dỡ thô sơ, phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy và các loại phương tiện chuyên dùng khác.

Điều 6. Huy động lực lượng và phương tiện của quân đội, tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại tỉnh để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Người và phương tiện của các đơn vị quân đội đóng quân trên địa bàn tỉnh khi không làm nhiệm vụ khẩn cấp đều có thể được huy động để phối hợp thực hiện công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Người chỉ huy đơn vị quân đội khi nhận được lệnh huy động lực lượng và phương tiện để phối hợp thực hiện công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải chấp hành ngay hoặc báo cáo ngay lên cấp có thẩm quyền để tổ chức thực hiện.

2. Người và phương tiện của tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài tại tỉnh Sơn La đều có thể được huy động để phối hợp thực hiện công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trừ những tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân nước ngoài được hưởng quyền ưu đãi, miễn trừ theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quy định lực lượng được huy động tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Công an tỉnh

Lực lượng của Phòng Cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, các Phòng nghiệp vụ, Công an các huyện, thành phố trực thuộc Công an tỉnh.

2. Quân đội: Cán bộ, chiến sĩ các đơn vị trực thuộc Bộ Chỉ huy Quân sự, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và các đơn vị quân đội khác đóng quân trên địa bàn tỉnh.

3. Lực lượng phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ cơ sở của các tổ chức, cơ quan, đơn vị trực thuộc UBND tỉnh.

4. Lực lượng phòng cháy và chữa cháy dân phòng tại các khu dân cư từ cấp xã trở lên.

5. Cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đang hoạt động và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Quy định về phương tiện được huy động để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Phương tiện được huy động để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, bao gồm:

a) Các phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cơ giới: Xe chữa cháy, xe cứu hộ, máy bơm chữa cháy,...

b) Phương tiện chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thông dụng: Bình chữa cháy, lăng chữa cháy, vòi chữa cháy, đầu nối, hai chạc, ba chạc, thang cứu người, dây cứu người, ống tụt, đệm cứu người,...

c) Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy: Xe ô tô, xe máy, xe cẩu, xe nâng, xe chiếu sáng, xe chở nước, tàu, xuồng, ca nô,...

d) Các loại phương tiện chuyên dùng khác: Trang phục chữa cháy, mặt nạ phòng độc, phương tiện, dụng cụ phá dỡ, thiết bị, dụng cụ thông tin liên lạc,...

2. Không huy động các loại xe sau đây để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

a) Xe quân sự, xe công an đi làm nhiệm vụ khẩn cấp.

b) Xe cứu thương đang thực hiện nhiệm vụ cấp cứu.

c) Xe đang làm nhiệm vụ khắc phục sự cố thiên tai hoặc tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật.

d) Đoàn xe có cảnh sát dẫn đường.

đ) Đoàn xe tang.

e) Các xe ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Đối với lực lượng Công an nhân dân, người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là người có chức vụ cao nhất chỉ huy đơn vị Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy có mặt tại nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố.

2. Trong trường hợp tại nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy chưa đến thì chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ là người đứng đầu đơn vị, cơ quan, tổ chức, Chủ tịch UBND cấp xã trở lên, chủ hộ gia đình.

3. Khi người có chức vụ cao nhất của lực lượng Công an nhân dân đến nơi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố thì người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ban

đầu có trách nhiệm tham gia Ban Chỉ huy chữa cháy và chịu sự phân công của người chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thuộc lực lượng Công an nhân dân.

4. Nhiệm vụ chỉ huy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

a) Huy động lực lượng, phương tiện, tài sản, nguồn nước và vật liệu chữa cháy để chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

b) Xác định khu vực chữa cháy, đề ra và tổ chức thực hiện các biện pháp kỹ thuật, chiến thuật chữa cháy.

c) Đề ra các yêu cầu về bảo đảm an ninh trật tự, an toàn giao thông.

d) Tổ chức hậu cần, phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và y tế.

đ) Tổ chức thông tin liên lạc phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

e) Tổ chức công tác chính trị tư tưởng trong chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

g) Tổ chức thông tin về vụ cháy, nổ.

h) Đề xuất các yêu cầu khác phục vụ cho chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

Điều 10. Thủ tục huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Việc huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải được thể hiện bằng lệnh huy động, điều động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy (*mẫu số PC20 ban hành kèm theo Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24 tháng 11 năm 2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy*); trường hợp khẩn cấp, lệnh huy động, điều động có thể bằng lời nói, nhưng chậm nhất không quá 03 ngày làm việc phải thể hiện lệnh đó bằng văn bản.

2. Người ra lệnh bằng lời nói phải xưng rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác, đồng thời phải nêu rõ yêu cầu về người, phương tiện, tài sản cần huy động, điều động và thời gian, địa điểm tập kết.

Điều 11. Quy định xe ưu tiên và bảo đảm quyền ưu tiên cho người và phương tiện được huy động phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Các xe ô tô và các phương tiện giao thông khác của lực lượng Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy khi đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được sử dụng tín hiệu ưu tiên, quyền ưu tiên lưu thông và các quyền ưu tiên khác theo quy định của pháp luật.

2. Phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường thủy của cơ quan, tổ chức và cá nhân được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng quyền ưu tiên trong phạm vi khu vực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, được ưu tiên qua cầu, phà và được miễn phí lưu thông trên đường.

3. Người được huy động làm nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi xuất trình lệnh huy động thì được ưu tiên đi trên các phương tiện giao thông và

chủ phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện giao thông hoặc những người có trách nhiệm liên quan giải quyết đi ngay trong thời gian sớm nhất. Người và phương tiện tham gia giao thông khi thấy tín hiệu còi, đèn, cờ ưu tiên của phương tiện đi làm nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải nhanh chóng nhường đường.

4. Lực lượng Cảnh sát giao thông và các lực lượng khác khi làm nhiệm vụ giữ gìn trật tự an toàn giao thông có trách nhiệm bảo đảm cho lực lượng, phương tiện đi chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được lưu thông nhanh nhất.

Điều 12. Chế độ chính sách đối với người và phương tiện, tài sản được điều động để phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ

1. Người được huy động tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được hưởng chế độ chính sách theo quy định tại Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC ngày 10 tháng 12 năm 2015 của liên bộ: Lao động - Thương binh và Xã hội, Công an, Tài chính ban hành hướng dẫn chế độ đối với người được huy động trực tiếp chữa cháy, phục vụ chữa cháy và cán bộ, đội viên đội dân phòng, đội phòng cháy, chữa cháy cơ sở, chuyên ngành tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC).

2. Phương tiện, tài sản của cơ quan, tổ chức, hộ gia đình và cá nhân được huy động để tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Trường hợp, phương tiện, thiết bị, tài sản được huy động mà bị mất, bị hư hỏng; nhà, công trình bị phá dỡ theo quy định tại Điểm c, Điểm d, Khoản 1 Điều 38, Luật Phòng cháy và chữa cháy thì được bồi thường theo quy định của pháp luật. Kinh phí bồi thường được cấp từ ngân sách nhà nước.

Điều 13. Kinh phí thực hiện chế độ đối với người được huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy

1. Nguồn từ Quỹ Bảo hiểm y tế, Quỹ Bảo hiểm xã hội

a) Quỹ bảo hiểm y tế chi trả phần chi phí khám bệnh, chữa bệnh theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế đối với người được huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy bị thương quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

b) Quỹ bảo hiểm xã hội chi trả chế độ quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 3, Khoản 1 Điều 4, Khoản 1 Điều 9 và Khoản 1 Điều 10 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

2. Nguồn từ ngân sách nhà nước

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

b) Chế độ đối với người được huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy bị thương, bị chết đủ điều kiện xét hưởng chính sách thương binh, như thương binh quy định tại Điều 5 hoặc được công nhận là liệt sỹ quy định tại Điều 6 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC: Các sở, ban, ngành, đơn vị dự toán cấp tỉnh, UBND các huyện, thành phố tổng hợp đối tượng và nhu cầu kinh phí gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Nguồn từ đơn vị quản lý trực tiếp

a) Đơn vị quản lý trực tiếp chi trả các chế độ cụ thể như sau:

- Đồng chi trả các chi phí không nằm trong danh mục do bảo hiểm y tế chi trả quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 3; chi phí khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

- Trợ cấp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 3, Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC.

b) Đối với đơn vị quản lý trực tiếp do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thì kinh phí chi trả các chế độ tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp bố trí trong dự toán hàng năm của đơn vị. Việc lập dự toán, chấp hành và quyết toán kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với đơn vị quản lý trực tiếp không do ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoạt động thì kinh phí chi trả các chế độ quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 13 Thông tư liên tịch số 52/2015/TTLT-BLĐTBXH-BCA-BTC được hạch toán vào chi phí hợp lý của đơn vị.

Điều 14. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Việc thông tin liên lạc giữa các cấp, các ngành được thực hiện bằng hệ thống thông tin vô tuyến, hữu tuyến và bằng lệnh huy động lực lượng, phương tiện và tài sản để chữa cháy hoặc quyết định huy động lực lượng dân phòng, lực lượng phòng cháy và chữa cháy cơ sở và chuyên ngành tham gia hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Từng bước hiện đại hóa công tác thông tin để đáp ứng yêu cầu phục vụ công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh.

2. Cơ quan đầu ngành được quy định tại Điều 7 của Quy chế này có trách nhiệm thực hiện rà soát, thống kê, bổ sung và điều chỉnh những thay đổi về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trong phạm vi quản lý để tổng hợp và báo cáo định kỳ về cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì theo đúng quy định. Các sở, ban ngành, UBND các cấp thực hiện chế độ báo cáo định kỳ (*sơ kết, tổng kết*), đột xuất về cơ quan cấp trên đúng quy định.

3. Các thông tin về vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố thuộc phạm vi của cấp nào thì cấp đó phải báo cáo ngay bằng điện thoại trong thời gian sớm nhất hoặc bằng văn bản cho cơ quan chỉ đạo cấp trên và cơ quan chuyên trách chỉ đạo về công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trong không quá 24 giờ sau khi vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra.

4. Việc thông tin cho các phương tiện truyền thông về cháy, nổ, tai nạn, sự cố và kết quả chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ phải đảm bảo sự thống nhất và do Trưởng ban hoặc Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các cấp chịu trách nhiệm công bố.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CÁC CẤP TRONG HOẠT ĐỘNG CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

Điều 15. Công an tỉnh

1. Bảo đảm sẵn sàng về lực lượng và phương tiện, tổ chức thường trực 24/24 giờ để tiếp nhận, xử lý thông tin cháy, nổ, tai nạn, sự cố và chủ trì tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định.

2. Chủ trì tham mưu huy động lực lượng, phương tiện phù hợp của các cấp, các ngành, các cơ quan, tổ chức, cá nhân và hộ gia đình thực hiện công tác phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn tỉnh bảo đảm theo đúng quy định hiện hành của pháp luật.

3. Phối hợp với các đơn vị có liên quan, rà soát và nắm chắc số lượng, chủng loại phương tiện phòng cháy và chữa cháy làm căn cứ xây dựng phương án điều động theo từng mức độ cho phù hợp với tình hình thực tế của các vụ cháy, nổ, tai nạn, sự cố trên địa bàn tỉnh.

4. Chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các huyện, thành phố tổ chức thực tập phương án chữa cháy, phương án cứu nạn, cứu hộ theo các tình huống cơ bản có nhiều lực lượng tham gia nhằm chủ động ứng phó với mọi tình huống cháy, nổ, tai nạn, sự cố có thể xảy ra.

5. Phối hợp với các ngành liên quan tổ chức điều tra xác định nguyên nhân xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố; tổ chức họp đánh giá kết quả hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, rút kinh nghiệm và đề xuất các biện pháp phòng ngừa cháy, nổ và các sự cố, tai nạn có thể xảy ra.

6. Chỉ đạo lực lượng Cảnh sát giao thông; lực lượng Cảnh sát cơ động và các đơn vị trong lực lượng Công an tham gia thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, giữ gìn an ninh trật tự trong quá trình tổ chức chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phân công, bố trí lực lượng, phương tiện, thiết bị luôn chủ động sẵn sàng ứng phó, tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ kịp thời, hiệu quả khi có yêu cầu.

7. Chủ trì, phối hợp các ngành có liên quan tổ chức điều tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật để xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố. Đối với những trường hợp

vi phạm pháp luật có dấu hiệu tội phạm phải khởi tố, điều tra và xử lý đúng theo pháp luật.

Điều 16. Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh

1. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trực thuộc. Khi có lệnh huy động của UBND tỉnh, nhanh chóng đến hiện trường phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan tham gia thực hiện có hiệu quả công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Xây dựng kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền huy động theo cơ chế và thẩm quyền tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 17. Bộ Chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh

1. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trực thuộc. Khi có lệnh huy động của UBND tỉnh, nhanh chóng đến hiện trường phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị có liên quan tham gia thực hiện có hiệu quả công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Xây dựng kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo cơ chế và thẩm quyền tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 18. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trực thuộc. Khi có lệnh huy động, nhanh chóng đến hiện trường phối hợp với Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ đội Biên phòng tỉnh và các đơn vị có liên quan tham gia thực hiện có hiệu quả công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại các khu vực rừng trên địa bàn tỉnh Sơn La.

2. Xây dựng kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo cơ chế và thẩm quyền tại Điều 5 của Quy định này.

3. Phối hợp trong công tác chỉ huy, điều hành các vụ cháy rừng; điều tra nguyên nhân và xử lý các vi phạm về phòng cháy chữa cháy rừng.

Điều 19. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trực thuộc. Khi có lệnh huy động, nhanh chóng đến hiện trường phối hợp Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh và các đơn vị có liên quan tham gia thực hiện có hiệu quả công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố tràn dầu, sự cố rò rỉ, phát tán và cháy, nổ hóa chất độc hại.

2. Phối hợp với Công ty Cổ phần dịch vụ và đô thị Sơn La có giải pháp vệ sinh làm sạch môi trường nơi xảy ra sự cố.

3. Xây dựng kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo cơ chế và thẩm quyền tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 20. Sở Giao thông Vận tải

1. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trực thuộc. Khi có lệnh huy động, nhanh chóng đến hiện trường phối hợp với Công an tỉnh và các đơn vị có liên quan tham gia thực hiện có hiệu quả công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra sự cố cháy, nổ, tai nạn đường bộ, đường thủy; tham gia công tác cứu nạn, cứu hộ trên sông, các công trình cầu, cống, đường, bến phà,...

2. Xây dựng kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo cơ chế và thẩm quyền tại Điều 5 của Quy định này.

Điều 21. Sở Y tế

1. Chuẩn bị sẵn sàng về lực lượng, phương tiện của các đơn vị trực thuộc, khi có lệnh huy động của chỉ huy chữa cháy, huy động lực lượng y, bác sỹ, phương tiện cấp cứu, cơ sở máu, cơ sở thuốc cần thiết nhanh chóng đến hiện trường tổ chức sơ cứu ban đầu và đưa người bị nạn đến cơ sở y tế gần nhất để chữa trị.

2. Chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh thực hiện việc trưng cầu giám định mẫu ADN theo quy định khi có các nạn nhân vô danh, chưa được gia đình nhận dạng do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra trước khi mai táng; bảo quản và xác định danh tính nạn nhân bị thiệt mạng do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra theo đúng quy định để bàn giao cho gia đình nạn nhân lo hậu sự.

3. Chỉ đạo trạm Y tế xã, phường, thị trấn sẵn sàng tiếp nhận và cấp cứu kịp thời khi có nạn nhân.

Điều 22. Sở Công thương

1. Khi có sự cố hóa chất xảy ra trên địa bàn tỉnh, nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện tới hiện trường. Xác định rõ tính chất vật lý, tính chất nguy hiểm, độc tính và các tính chất nguy hại khác của hóa chất thuộc phạm vi quản lý hóa chất của Sở Công thương để cung cấp cho lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp để đảm bảo công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đạt hiệu quả.

2. Tham mưu cho UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả triển khai thực hiện Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất trên địa bàn tỉnh.

Điều 23. Sở Xây dựng

1. Phối hợp với các sở, ban ngành liên quan kiểm tra, đề xuất hướng xử lý các công trình xây dựng, nhà xưởng, có nguy cơ xảy ra cháy, nổ, sự cố sập đổ.

2. Chủ trì tham mưu công tác tổ chức giám định chất lượng công trình thuộc phạm vi quản lý để phục vụ cho công tác điều tra, khám nghiệm hiện trường xác định nguyên nhân của sự cố, tai nạn.

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các tai nạn, sự cố khi có lệnh huy động của cấp có thẩm quyền.

Điều 24. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chỉ đạo các khu vui chơi giải trí thực hiện nghiêm các quy định về an toàn phòng cháy, chữa cháy, xây dựng nội quy, cảnh báo..., đồng thời phải có phương án chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại chỗ để kịp thời xử lý khi có vụ việc xảy ra.

2. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động lực lượng, phương tiện tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các tai nạn, sự cố khi có lệnh huy động của cấp có thẩm quyền.

Điều 25. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Chỉ đạo tuyên truyền, hướng dẫn các biện pháp an toàn vệ sinh lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh, các ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố trong tỉnh nghiên cứu, tham mưu đề xuất UBND tỉnh về chế độ, chính sách cho người trực tiếp tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

3. Tổng hợp đối tượng và nhu cầu kinh phí chi trả chế độ đối với người được huy động trực tiếp chữa cháy và phục vụ chữa cháy bị thương, bị chết đủ điều kiện xét hưởng chính sách thương binh, như thương binh hoặc được công nhân là liệt sỹ, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp gửi Bộ Tài chính thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

Điều 26. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với sở, ban ngành liên quan cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí từ các nguồn vốn của tỉnh cho các dự án, kế hoạch trong lĩnh vực chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; phối hợp với Ban Chỉ đạo phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tỉnh, Sở Tài chính đề xuất trình cấp có thẩm quyền bổ sung kinh phí mua sắm phương tiện, trang thiết bị cho công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ từ các nguồn vốn của tỉnh.

Điều 27. Sở Tài chính

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định nhu cầu thực hiện Quyết định này tại cấp tỉnh, trình UBND tỉnh xem xét, phê duyệt. Theo dõi và đôn đốc việc thực hiện thanh toán, quyết toán nguồn kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì, điều phối, chỉ đạo các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đảm bảo mạng thông tin liên lạc thông suốt nhằm phục vụ kịp thời hoạt động chỉ đạo, xử lý tình huống trong công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

2. Đảm bảo thực hiện công tác thông tin chính xác kịp thời về các hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; các Chủ trương, Chính sách, Mệnh lệnh, Chỉ thị về công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của trung ương và tỉnh.

3. Kiểm tra, giám sát và đôn đốc các doanh nghiệp thông tin di động nhắn tin cảnh báo thiên tai qua mạng thông tin di động theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 29. Hội Chữ thập đỏ tỉnh

Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện để chủ động tham gia cứu nạn, cứu hộ, sơ cấp cứu người bị nạn và khắc phục hậu quả khi có cháy, nổ, tai nạn, sự cố xảy ra theo lệnh huy động của cấp có thẩm quyền.

Điều 30. Công ty Điện lực Sơn La

1. Đảm bảo an toàn điện cho lực lượng chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và người dân khu vực xảy ra sự cố; khẩn trương khắc phục hậu quả, hạn chế thiệt hại do cháy, nổ, tai nạn, sự cố về điện gây ra.

2. Đảm bảo nguồn điện phục vụ cho công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố.

Điều 31. Các sở, ban, ngành khác

Chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư cần thiết để tham gia công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và khắc phục hậu quả khi xảy ra cháy, nổ, tai nạn, sự cố theo yêu cầu, chỉ đạo của UBND tỉnh.

Điều 32. UBND cấp huyện và cấp xã

1. Thường xuyên tuyên truyền, cảnh báo về tình hình cháy, nổ, tai nạn, sự cố trên địa bàn để nhân dân biết và phòng tránh.

2. Xây dựng Phương án, Kế hoạch huy động lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư dự phòng để sẵn sàng thực hiện công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn.

3. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc chủ động tham gia công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, khắc phục hậu quả do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra; tổ chức điều tra, thống kê, đánh giá thiệt hại theo đúng quy định, kịp thời báo cáo và đề xuất cơ quan cấp trên các biện pháp xử lý, khắc phục.

4. Tiến hành rà soát, kiểm toàn, củng cố lực lượng dân phòng đảm bảo về số lượng và chất lượng, đủ khả năng thực hiện nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đối với các tai nạn, sự cố, cháy, nổ xảy ra trên địa bàn và tham gia chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ở địa bàn khác khi có yêu cầu.

5. Đầu tư ngân sách cho hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; trang bị phương tiện, thiết bị chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần thiết, phù hợp cho các lực lượng làm nhiệm vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ của địa phương.

6. Tổ chức, hướng dẫn việc mai táng các nạn nhân vô danh bị thiệt mạng do cháy, nổ, tai nạn, sự cố gây ra.

7. Hàng năm, tổ chức sơ kết, rút kinh nghiệm về công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ tại địa phương.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Khen thưởng và xử lý vi phạm

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong hoạt động chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ được khen thưởng theo Luật Thi đua khen thưởng, các Nghị định, Thông tư hướng dẫn và các quy định khác của pháp luật.

2. Cá nhân, tổ chức có hành vi gây cản trở, không chấp hành theo lệnh huy động phục vụ chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ hoặc lợi dụng công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ để xâm hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì theo tính chất và mức độ vi phạm sẽ bị xử lý hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật.

Điều 34. Tổ chức thực hiện

1. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã, các cơ quan, tổ chức và cá nhân liên quan có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy định này. Định kỳ hàng năm (*vào ngày 30 tháng 11*) báo cáo kết quả thực hiện Quy định gửi về Công an tỉnh để tổng hợp, theo dõi, tham mưu chỉ đạo.

2. Giao Công an tỉnh theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc triển khai thực hiện Quy định này. Trong quá trình triển khai nếu có khó khăn vướng mắc hoặc phát hiện thấy có nội dung không phù hợp, kịp thời tổng hợp, tham mưu với Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 21/CT-UBND

Sơn La, ngày 04 tháng 6 năm 2021

CHỈ THỊ

Về việc tăng cường công tác quản lý, duy trì và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh trên địa bàn tỉnh Sơn La

Trong những năm qua, công tác quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã cấp Văn bằng bảo hộ được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm; việc thực hiện triển khai quản lý và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã đạt được những kết quả đáng kể, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp, Hợp tác xã (HTX) trong việc sử dụng nhãn hiệu (thương hiệu) phục vụ cho sản xuất, kinh doanh các sản phẩm; tính đến hết năm 2020, đã có 21 sản phẩm chủ lực của tỉnh được cấp Văn bằng bảo hộ, trong đó có 3 chỉ dẫn địa lý, 16 nhãn hiệu chứng nhận, 3 nhãn hiệu tập thể tạo nhiều cơ hội cho các Doanh nghiệp, HTX quảng bá sản phẩm đến người tiêu dùng, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước; trong đó có 02 sản phẩm đăng ký bảo hộ tại nước ngoài: Sản phẩm chè Shan tuyết Mộc Châu đã được bảo hộ tại thị trường Thái Lan năm 2017 (đây là sản phẩm nông sản đầu tiên của tỉnh đăng ký bảo hộ thành công tại thị trường nước ngoài); theo cam kết tại hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và liên minh Châu Âu có hiệu lực vào tháng 7 năm 2020, sản phẩm chè Shan Tuyết và sản phẩm xoài tròn Yên Châu được bảo hộ tại thị trường Châu Âu

Tuy nhiên, công tác quản lý, duy trì và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh vẫn còn một số hạn chế nhất định như: Một số doanh nghiệp, HTX được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu được bảo hộ nhưng chưa in, gắn nhãn hiệu trên bao bì sản phẩm; quy trình sản xuất sản phẩm chưa đáp ứng các tiêu chí về chất lượng, thiếu sự kiểm tra, kiểm soát của các cơ quan chuyên môn về quy trình sản xuất và chất lượng sản phẩm ảnh hưởng đến danh tiếng của sản phẩm cũng như uy tín của người sản xuất. Chưa có sự kết nối, phối hợp chặt chẽ về công tác quản lý sản phẩm có thương hiệu giữa các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố với các doanh nghiệp, HTX, việc phát triển thương hiệu sản phẩm còn có hạn chế.

Để tăng cường công tác quản lý, duy trì và phát triển thương hiệu các sản phẩm chủ lực của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân liên quan triển khai một số nội dung như sau:

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, hội thảo các nội dung có liên quan đến việc

quản lý và phát triển thương hiệu sản phẩm chủ lực của tỉnh để giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã hiệu và thực hiện đầy đủ các quy định về quản lý, sử dụng, duy trì và phát triển nhãn hiệu đã được bảo hộ.

- Phối hợp với UBND các huyện, thành phố hướng dẫn các doanh nghiệp, HTX sử dụng nhãn hiệu đã được bảo hộ trên bao bì sản phẩm, nhất là các sản phẩm OCOP của tỉnh, huyện.

- Đẩy mạnh hoạt động hỗ trợ truy xuất nguồn gốc sản phẩm, ưu tiên các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã được cấp Văn bằng bảo hộ và các doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu.

- Phối hợp với các đơn vị nghiên cứu trong và ngoài tỉnh nghiên cứu, chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ cao, công nghệ tiên tiến, đổi mới công nghệ để nâng cao chất lượng sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh về nâng cao chất lượng, tăng giá trị sản phẩm tạo khả năng cạnh tranh các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã được bảo hộ nhãn hiệu.

- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát việc quản lý và sử dụng nhãn hiệu đối với các tổ chức, cá nhân được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu; phối hợp với các cơ quan có liên quan xử lý nghiêm các hành vi làm ảnh hưởng đến uy tín, danh tiếng của sản phẩm.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng các quy trình sản xuất an toàn, sản xuất nông nghiệp tốt (GAP), sản xuất hữu cơ đáp ứng các tiêu chuẩn, đảm bảo tạo ra các sản phẩm có chất lượng cao, đồng đều, từ đó đảm bảo các tiêu chí của một thương hiệu được bảo hộ.

- Tăng cường, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy trình kỹ thuật về sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm, trong đó tập trung cao cho các sản phẩm đã được Văn bằng bảo hộ.

- Lồng ghép các chương trình, dự án để xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; nghiên cứu xây dựng các chính sách liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm, quy hoạch vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong đó ưu tiên các sản phẩm chủ lực đã có thương hiệu của tỉnh.

3. Sở Công Thương

- Tổ chức các hội nghị, hội chợ, hoạt động giao thương, kết nối cung - cầu, tuyên truyền quảng bá sản phẩm nông sản, thực phẩm đã được cấp Văn bằng bảo hộ.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh đã được cấp Văn bằng bảo hộ tham gia các hội chợ, triển lãm, giao thương, đưa hàng vào các hệ thống phân phối trong và ngoài nước.

4. Sở Kế hoạch và Đầu tư

Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư vào vùng sản xuất các sản phẩm chủ lực của tỉnh, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tổ chức hội chợ, triển lãm các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có thương hiệu của tỉnh.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Xây dựng các tuyến du lịch sinh thái, du lịch canh nông, trải nghiệm gắn với quảng bá, giới thiệu sản phẩm có thương hiệu của tỉnh; quảng bá thương hiệu sản phẩm vào các dịp tổ chức lễ hội của tỉnh.

6. Đài Phát thanh Truyền hình và Báo Sơn La

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo vệ quyền sở hữu đối với nhãn hiệu, thương hiệu sản phẩm; tuyên truyền phổ biến các mô hình quản lý, duy trì và phát triển thương hiệu sản phẩm điển hình trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng các phóng sự tuyên truyền, quảng bá, giới thiệu sản phẩm nông sản có thương hiệu của tỉnh; các quy trình sản xuất sản phẩm an toàn; hệ thống nhận diện các sản phẩm có thương hiệu của tỉnh.

7. Cục Quản lý Thị trường tỉnh

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền đối với các sản phẩm có thương hiệu trên địa bàn tỉnh.

8. Các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể

Đề nghị các tổ chức chính trị, xã hội, đoàn thể, các hội ngành nghề vận động hội viên, đoàn viên tích cực tham gia tuyên truyền thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về quản lý nhà nước đối với các sản phẩm đã được cấp văn bằng bảo hộ trên địa bàn tỉnh, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng, giá trị sản phẩm có thương hiệu của tỉnh gắn với thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020 - 2025; Chương trình xây dựng nông thôn mới, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) trên địa bàn.

9. UBND các huyện, thành phố

- Hỗ trợ, khuyến khích các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình tổ chức sản xuất theo hướng tập trung, áp dụng tiến bộ khoa học, chuyên canh các vùng sản xuất sản phẩm có thương hiệu.

- Tăng cường chỉ đạo các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp, hợp tác xã được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu duy trì và phát huy hiệu quả các nhãn hiệu được công nhận trên địa bàn; chỉ đạo và kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc chấp hành thực hiện các Quy chế quản lý nhãn hiệu trên địa bàn.

- Chủ động huy động, bố trí nguồn kinh phí cho duy trì và phát triển thương hiệu sản phẩm trên địa bàn; lồng ghép việc phát triển thương hiệu sản phẩm với các nhiệm vụ phát triển của ngành, địa phương và chương trình, kế hoạch khác.

10. Các chủ sở hữu nhãn hiệu, các tổ chức Hội chỉ dẫn địa lý

- Tăng cường quản lý và kiểm soát quy trình kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch, bảo quản sản phẩm có thương hiệu thuộc trách nhiệm; tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân tuân thủ và phát huy hiệu quả việc sử dụng nhãn hiệu; nâng cao chất lượng, giá trị của sản phẩm.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về quản lý, kiểm soát chất lượng sản phẩm có thương hiệu.

- Đề nghị cơ quan có thẩm quyền không cấp hoặc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng nhãn hiệu đối với các tổ chức, cá nhân không chấp hành các quy định về quản lý và sử dụng nhãn hiệu.

11. Các tổ chức, cá nhân liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm có thương hiệu

Tích cực tham gia xây dựng, duy trì và phát triển sản phẩm có thương hiệu của tỉnh; nâng cao ý thức, trách nhiệm trong quản lý, phòng ngừa, bảo vệ đấu tranh với các hành vi gian lận trong sử dụng nhãn hiệu sản phẩm; chủ động ứng tiến bộ khoa học công nghệ để nâng cao giá trị thương hiệu của sản phẩm.

Thực hiện tốt quy định về Quản lý, Quy chế kiểm soát sản phẩm có thương hiệu; nâng cao ý thức tự kiểm tra việc tuân thủ quy trình trồng, chăm sóc, thu hoạch và bảo quản sản phẩm nhằm đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm có thương hiệu.

Đối với các Doanh nghiệp, HTX đã được cấp quyền sử dụng nhãn hiệu, thực hiện nghiêm túc việc sử dụng nhãn hiệu, in nhãn hiệu (logo) trên các bao bì sản phẩm khi lưu thông trên thị trường. Chủ động phối hợp với các cơ quan quản lý các cấp tích cực tham gia hoạt động quảng bá, giới thiệu sản phẩm tại các Hội chợ, các sự kiện xúc tiến tiêu thụ nông sản.

Yêu cầu các sở, ngành, UBND các huyện, thành phố; các tổ chức chính trị, xã hội; các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện nghiêm túc Chỉ thị này./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (Để báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Để báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh (Để báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục SHTT - Bộ KH&CN;
- Các sở, ngành của tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Sơn La;
- Đài Phát thanh truyền hình tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Phạm Văn Thuỷ

Số: 1185/QĐ-UBND

Sơn La, ngày 08 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Bãi bỏ Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 16/7/2007; Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 31/3/2010; Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết số 83/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của HĐND tỉnh về việc quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu cho cá nhân có công đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 53/2017/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh Sơn La về sửa đổi Khoản 5, Điều 2, Nghị quyết số 83/2014/NQ-HĐND ngày 16 tháng 7 năm 2014 của HĐND tỉnh quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Huy hiệu cho cá nhân có công đóng góp xây dựng và phát triển tỉnh;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 513/TTr-SNV ngày 03 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ các Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La gồm:

1. Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2007 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”;

~~2. Quyết định số 794/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2010 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”;~~

3. Quyết định số 1897/QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2013 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Sơn La”.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, cơ quan, địa phương, đơn vị tham gia cụm, khối thi đua của tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Thường trực tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Nội vụ;
- Như Điều 2;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, NC, Hiệp(05b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

Hoàng Quốc Khánh

VĂN PHÒNG UBND TỈNH SƠN LA

Trung tâm Thông tin - Văn phòng UBND tỉnh Sơn La, Trụ sở HĐND - UBND
- UBNDTTQVN tỉnh và một số Sở, ban, ngành của tỉnh. Phường Tô Hiệu, thành
phố Sơn La

Điện thoại: 0212.3751.595 - 02123751091

Email: congbaosonla@gmail.com